

PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 365

Hán dịch: Cương Lương Đa-xá
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Quang Chánh (05-2007)
Biên tập: Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website <http://www.daitangvietnam.com>
Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 365 《佛說觀無量壽佛經》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 365 《Phật thuyết quán Vô lượng thọ Phật Kinh》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 365 《Phật nói quán Vô lượng Thọ Phật Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.13 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.13 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.13 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhờ nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

御製無量壽佛贊
ngự chế Vô lượng thọ Phật tán
Tán thần đức Phật Ngự Chế Vô Lượng Thọ

西方極樂世界尊
Tây phương Cực-Lạc thế giới tôn
Tây phương Cực Lạc thế giới tôn
能滅無始億劫業
năng diệt vô thủy ức kiếp nghiệp

無量壽佛世希有
Vô lượng thọ Phật thế hi hữu
Phật Vô Lượng Thọ đời khó gặp
令彼苦惱悉消除
lệnh bỉ khổ não tất tiêu trừ

Thường diệt vô thi ức kiếp nghiệp
若人能以微妙心
nhược nhân năng dĩ vi diệu tâm
Người có thể đem tâm vi diệu
廣與眾生分別說
quảng dĩ chúng sanh phân biệt
Vì chúng sanh phân biệt rộng nói
佛身色相顯光明
Phật thân sắc tướng hiển quang-minh
Sắc tướng thân Phật tỏa ánh sáng
其高無比由旬數
kỳ cao vô bì do-tuần số
Cao lớn số do tuần không thể so
眉間白毫五須彌
mý gian bạch hào ngũ Tu-Di
Chặn mày trắng như năm Tu-di
光明演出諸毛孔
quang-minh diễn xuất chư mao khổng
Các lỗ chân lông phát ánh sáng
一界中有一河沙
nhất giới trung hữu nhất hà sa
Trong một cõi có một hạt cát
一一相中復如是
nhất nhất tướng trung phục như thị
Trong mỗi mỗi tướng lại như vậy
以觀佛身見佛心
dĩ quán Phật thân kiến Phật tâm
Quán thân Phật nên thấy tâm Phật
從相入得無生忍
tòng tướng nhập đắc vô sanh nhẫn
Từ tướng vào được Vô sanh nhẫn
佛身無量廣無邊
Phật thân vô lượng quảng vô biên
Thân Phật rộng vô lượng vô biên
有憶想者得成就
hữu ức tưởng giả đắc thành tựu
Người có tưởng nhớ được thành tựu
眾生三種具三心
chúng sanh tam chủng cụ tam tâm
Ba loại chúng sanh đủ ba tâm
即得如來手接引
tức đắc Như-Lai thủ tiếp dẫn
Liên được Như Lai đưa tay tiếp
其身踴躍金剛臺
kỳ thân dũng dục Kim cương đài
Thân ấy bay lên đài Kim cương
行大乘解第一義
hành Đại thừa giải đệ nhất nghĩa
Hành Đại thừa giải Đệ nhất nghĩa
阿彌陀佛大慈悲
A-di-đà Phật Đại từ bi
A-di-đà Phật đại từ bi
稱名一聲起一念
xưng danh nhất thanh khởi nhất niệm
xưng danh nhất thanh khởi nhất niệm bát

Khiến cho kia khổ não tiêu trừ
嘗以極樂為觀想
thường dĩ Cực-Lạc vi quán tưởng
Thường quán tưởng đến nước Cực Lạc
舉目即見阿彌陀
cử mục tức kiến A-di-đà
Mở mắt liền thấy A-di-đà
閻浮檀金無與等
diêm-phù-đàn kim vô dĩ đẳng
Vàng Diêm-phù-đàn không sánh kịp
六十萬億那由他
lục thập vạn ức na-do-tha
Sáu mươi vạn ức na-do-tha
紺眼弘澄四大海
cám nhãn hồng trường tứ Đạihải
Mắt xanh rộng trong như bốn biển
一孔遍含諸大千
nhất khổng biến hàm chư Đại Thiên
Mỗi lỗ bao trùm các Đại thiên
沙有八萬四千相
sa hữu bát vạn tứ thiên tướng
Cát có tám vạn bốn ngàn tướng
作者觀者隨現前
tác giả quán giả tùy hiện tiền
Tùy người quán tưởng mà hiện trước
眾生憶想見化佛
chúng sanh ức tưởng kiến hóa Phật
Chúng sanh tưởng nhớ thấy hóa Phật
以三昧受無邊慈
dĩ tam muội thọ vô biên từ
Dùng Tam muội thọ từ vô lượng
化導以彼宿願力
hóa đạo dĩ bỉ tú nguyện lực
Hóa đạo cho kia tròn nguyện lực
神通如意滿虛空
Thần thông như ý mãn hư không
Thần thông như ý mãn hư không
Thần thông như ý khắp hư không
精進勇猛無退轉
tinh tấn dũng mãnh vô thối chuyển
Dũng mãnh tinh tấn không thối chuyển
七寶宮殿大光明
thất bảo cung điện Đại quang-minh
Cung điện bảy báu ánh sáng lớn
隨從佛後彈指頃
tùy tòng Phật hậu đạn chỉ khoảnh
Phật khảy móng tay liền theo sau
即生七寶蓮池中
tức sanh thất bảo liên trì trung
Liên sanh trong ao sen bảy báu
十力威德難贊說
thập lực uy đức nan tán thuyết
Mười lực oai đức khó ca tụng
八十億劫罪皆除
tập ức kiếp tội giai trừ

Xung tên một tiếng khởi một niệm
是以濟拔無有窮
dĩ thị tế bạt vô hữu cùng
Do ngài cứu độ không cùng tận
昔世尊居耨闍崛
tích Thế tôn cư Kỳ-xà-Quật
Xưa Thế Tôn ở Kỳ-xà-quật
離憂惱與閻浮提
ly ưu não dữ Diêm-phù-đề
Lìa ưu não và cõi Diêm-phù
淨妙國即極樂界
tịnh diệu quốc tức Cực-Lạc giới
Liên sanh nước Cực Lạc tịnh diệu
作是念者住堅專
Tác thị niệm giả trụ kiên chuyên
Người làm niệm trụ ở kiên chuyên
如是功德不可說
như thị công đức bất khả thuyết
Công đức ấy nói không thể hết
無量清淨平等施
vô lượng thanh tịnh bình đẳng thí
Vô lượng thanh tịnh bình đẳng thí
斷彼一切顛倒想
đoạn bỉ nhất thiết điên đảo tưởng
Đoạn tất cả điên đảo tưởng kia
濕性混合無不同
thấp tánh hỗn hợp vô bất đồng
Ướt hòa lẫn không chi không đồng
人人皆為無量壽
nhân nhân giai vi Vô-Lượng-Thọ
Người người đều vì Vô Lượng Thọ

Tám mươi ức kiếp tội đều trừ
是以名為無量壽
thị dĩ danh vi Vô-Lượng-Thọ
Nên gọi ngài là Vô Lượng Thọ
與大眾說妙因緣
dữ Đại chúng thuyết diệu nhân duyên
Cùng Đại chúng nói pháp nhân duyên
超脫一切諸苦趣
siêu thoát nhất thiết chư khổ thú
Cùng vượt thoát tất cả khổ thú
修三福發菩提心
tu tam phúc phát bồ đề tâm
Tu ba phước phát Bồ-đề tâm
故說無量壽佛觀
cố thuyết Vô lượng thọ Phật quán
Nên nói quán Vô Lượng Thọ Phật
不可說者妙光明
bất khả thuyết giả diệu quang-minh
Ánh sáng vi diệu không thể bàn
五濁眾生咸作佛
ngũ trược chúng sanh hàm tác Phật
Chúng sanh năm trược đều thành Phật
猶如以水投海中
do như dĩ thủy đầu hải trung
Giống như đem nước đổ vào biển
雖有聖智難分別
tuy hữu Thánh trí nan phân biệt
Tuy có Thánh trí khó phân biệt
稽首瞻禮即西方
kê thủ chiêm lễ tức Tây phương
Cúi đầu chiêm lễ vãng Tây phương.

佛說觀無量壽佛經

Phật thuyết quán Vô lượng thọ Phật Kinh
Kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật

宋西域三藏畧良耶舍譯

tổng Tây Vực Tam Tạng cương lương da xá dịch

Tam Tạng Cương Lương Da-xá người xứ Tây Vực dịch vào đời Tống

如是我聞。一時佛在王舍城耨闍崛山中。

như thị ngã văn. nhất thời Phật tại Vương xá thành Kỳ-xà-Quật sơn trung.
Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ-xà-quật
與大比丘眾千二百五十人俱。

dữ Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.
cùng chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị,
菩薩三萬二千。文殊師利法王子。而為上首。

Bồ-tát tam vạn nhị thiên. Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử. nhi vi thượng thủ.
chúng Bồ-tát gồm ba vạn hai ngàn vị đều đến hội họp. Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử vì
họ mà làm bậc thượng thủ.

爾時王舍大城有一太子。名阿闍世。

nhĩ thời Vương Xá Đại thành hữu nhất Thái-Tử. danh A-xà-thế.
Lúc đó, đại thành Vương Xá có một Thái Tử tên A-xà-thế,

隨順調達惡友之教。收執父王頻婆娑羅。

tùy thuận điều đạt ác hữu chi giáo. thu chấp phụ Vương Tần-bà-sa-la.
vì nghe theo lời xúi dục của bạn ác Điều Đạt mà giam giữ vua cha Tần-bà-sa-la
幽閉置於七重室內。制諸群臣一不得往。

u bé trí u thất trọng thất nội. chế chu quần Thần nhất bất đắc vãng.
trong phòng tối tăm bảy lớp cửa khoá chặt, ngăn cấm quần thần không một ai được qua
lại.

國大夫人名韋提希。恭敬大王。澡浴清淨。

quốc Đại phu nhân danh Vi-đề-hy. cung kính Đại Vương. tảo dục thanh tịnh.
Phu nhân của Đại quốc tên Vi-đề-hy, cung kính Đại Vương, tắm rửa sạch sẽ,
以酥蜜和麩用塗其身。諸瓔珞中盛葡萄漿密以上王。

dĩ tô mật hòa xiêu dụng đồ kỳ thân. chu anh lạc trung tịnh bồ đào tương mật dĩ
thượng Vương。

dùng mật ong để hòa rồi bôi lên thân thể, trong các chuỗi ngọc đồ đầy mật nho đem
dâng lên đức Vua.

爾時大王。食麩飲漿。求水漱口。漱口畢已。

nhĩ thời Đại Vương. thực xiêu ẩm tương. cầu thủy sấu khẩu. sấu khẩu tất dĩ.
Lúc đó, Đại Vương ăn mật uống nước rồi xin nước súc miệng; súc miệng xong
合掌恭敬。向耆闍崛山遙禮世尊。而作是言。

hợp chưởng cung kính. hướng Kỳ-xà-quật sơn dao lễ Thế tôn. nhi tác thị ngôn.
chấp tay cung kính hướng về núi Kỳ-xà-quật xa đánh lễ Thế Tôn mà bạch rằng:
大目乾連是吾親友。願興慈悲授我八戒。

Đại Mục-kiên-liên thị ngô thân hữu. nguyện hưng từ bi thụ ngã bát giới.
Đại Mục-kiên-liên là bạn thân của con, nguyện khởi tâm từ bi mà truyền trao cho con
tám giới.

時目乾連如鷹隼飛疾至王所。

thời Mục-Kiên-Liên như ung chuẩn phi tạt chí Vương sở.
Bấy giờ Mục-kiên-liên như con chim ung bay nhanh đến chỗ đức Vua,

日日如是授王八戒。世尊亦遣尊者富樓那。

nhật nhật như thị thụ Vương bát giới. Thế tôn diệc khiển Tôn-Giả Phú-lâu-na.
ngày ngày như vậy truyền tám giới cho Vua. Thế Tôn cũng phái Tôn giả Phú-lâu-na
為王說法。如是時間經三七日。

vị Vương thuyết Pháp. như thị thời gian Kinh tam thất nhật.
vì vua mà nói Pháp. Thời gian như vậy trải qua ba mươi bảy ngày.

王食麩蜜得聞法故。顏色和悅。時阿闍世間守門人。

Vương thực xiêu mật đắc văn Pháp cố. nhan sắc hòa duyệt. thời A-xà-thế vấn thủ môn
nhân。

Vua ăn mật và được nghe Pháp rồi sắc mặt tươi vui. Lúc đó, A-xà-thế hỏi người giữ cửa
父王今者猶存在耶。時守門者白言。大王。

phụ Vương kim giả do tồn tại da. thời thủ môn giả bạch ngôn. Đại Vương.
Vua cha nay vẫn còn sống ư? Người giữ cửa thưa rằng:

國大夫人身塗麩蜜。瓔珞盛漿持用上王。

quốc Đại phu nhân thân đồ xiêu mật. anh lạc tịnh tương trì dụng thượng Vương.
Phu nhân Đại quốc thân xoa mật ngọt, chuỗi ngọc đồ đầy nước uống đem dâng lên Vua.
沙門目連及富樓那。從空而來為王說法。

Sa Môn mục liên cập Phú-lâu-na. tông không nhi lai vị Vương thuyết Pháp.
Sa-môn Mục-kiên-liên và Phú-lâu-na từ không trung đến vì vua mà nói pháp
不可禁制。時阿闍世聞此語已。

bất khả cấm chế. thời A-xà-thế vấn thủ ngữ dĩ.
không thể ngăn cản. A-xà-thế nghe nói như vậy xong,

怒其母曰。我母是賊。與賊為伴。沙門惡人。

nộ kỳ mẫu viết. ngã mẫu thị tặc. dữ tặc vi bạn. Sa Môn ác nhân.
túc giận mẹ nói rằng: Mẹ ta là giặc, cùng giặc làm bạn. Sa-môn ác nhân
幻惑呪術。令此惡王多日不死。

huyền hoặc chú thuật. lệnh thù ác Vương đa nhật bắt tù.
dùng chú thuật huyền hoặc làm cho vua ác này kéo dài ngày ra không chết,
即執利劍欲害其母。時有一臣名曰月光。聰明多智。

túc chấp lợi kiếm dục hại kỳ mẫu. thời hữu nhất Thần danh viết nguyệt quang. thông
minh đa trí.

rồi liền lấy kiếm sắc muốn hại mẹ mình. Lúc ấy, có một vị quan tên Nhật Nguyệt Quang
thông minh nhiều trí

及與耆婆。為王作禮。白言大王。

cập dữ Kỳ-bà. vị Vương tác lễ. bạch ngôn Đại Vương.
cùng với Kỳ-bà vì vua làm lễ mà bạch rằng: Tâu Đại Vương!

臣聞毘陀論經說。劫初已來。有諸惡王貪國位故。

Thần văn tỉ đà luận Kinh thuyết. kiếp sơ dĩ lai. hữu chư ác Vương tham quốc vị cố.
Thần nghe trong Kinh Luận Tỳ-đà nói rằng: Từ xưa đến nay, có một vạn tám ngàn vị vua
ác vì tham ngại vàng mà

殺害其父一萬八千。未曾聞有無道害母。

sát hại kỳ phụ nhất vạn bát thiên. vị tăng văn hữu vô đạo hại mẫu.
giết hại cha mình, nhưng chưa từng nghe có người vô đạo mà giết hại mẹ mình.

王今為此殺逆之事。汗剎利種。臣不忍聞。

Wang kim vi thi sát nghịch chi sự. ô sát lợi chủng. Thần bất nhẫn văn.
Nay vua vì việc sát nghịch này mà làm ô nhục giòng họ Sát Lợi, thần không chịu nổi.
是梅陀羅。我等不宜復住於此。

thị chiên Đà-la. ngã đẳng bất nghi phục trụ ư thi.
Là Chiên-đà-la, chúng tôi không nên ở lại nơi đây nữa.

時二大臣說此語竟。以手按劍却行而退。

thời nhị Đại Thần thuyết thù ngữ cánh. dĩ thủ án kiếm khước hành nhi thoái.
Lúc đó, hai vị Đại thần nói như vậy xong, dùng tay rút kiếm lại mà bỏ đi.

時阿闍世驚怖惶懼。告耆婆言。汝不為我耶。耆婆白言。

thời A-xà-thế kinh phổ hoàng cụ. cáo Kỳ-bà ngôn. nữ bất vị ngã da. Kỳ-bà bạch ngôn.
Lúc ấy, A-xà-thế kinh hoảng sợ hãi bảo Kỳ-bà rằng: Người không vì Ta chăng? Kỳ-bà
thua rằng:

大王。慎莫害母。王聞此語懺悔求救。

Đại Vương. thận mạc hại mẫu. Vương văn thù ngữ sám hối cầu cứu.
Tâu Đại Vương! Thận trọng chớ có sát hại mẹ. Vua nghe nói vậy liền cầu xin sám hối,
即便捨劍止不害母。勅語內官。

túc tiện xá kiếm chỉ bắt hại mẫu. sắc ngữ nội quan.
bỏ kiếm xuống không hại mẹ nữa. Còn về lệnh các quan nội cung

閉置深宮不令復出。時韋提希被幽閉已。愁憂憔悴。

bế trí thâm cung bất lệnh phục xuất. thời Vi-đề-hy bị u bế dĩ. sầu ưu tiều tụy.
đóng cửa thâm cung không cho ai ra vào, Vi-đề-hy bị giam cầm trong nhà tối thì lòng
sầu muộn tìu tụy,

遙向耆闍崛山。為佛作禮而作是言。

dao hướng Kỳ-xà-quật sơn. vi Phật tác lễ nhi tác thị ngôn.
xa hướng về núi Kỳ-xà-quật lễ Phật mà bạch rằng:

如來世尊在昔之時。恒遣阿難來慰問我。

như lai thế tôn tại tích chi thời. hằng khiển A-nanlai úy vấn ngã.

Như Lai Thế Tôn xưa kia thường sai A-nan đến an ủi thăm hỏi con.

我今愁憂。世尊威重無由得見。

ngã kim sầu ưu. Thế tôn uy trọng vô do đắc kiến.

Con nay sầu muộn, Thế Tôn uy đức cao trọng mà không được thấy,

願遣目連尊者阿難。與我相見。作是語已。

nguyện khiển mục liên Tôn-Giả A-nan. dữ ngã tướng kiến. tác thị ngữ dĩ.

cúi xin Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả A-nan làm cho con được thấy. Nói lời như vậy xong,

悲泣雨淚遙向佛禮。未舉頭頃。爾時世尊在耆闍崛山。

bi khắp vũ lệ dao hướng Phật lễ. vị cử đầu khoảnh. nhĩ thời Thế tôn tại Kỳ Xà Quạt sơn.

khóc lóc như mưa hướng về Phật đánh lễ, chưa ngước đầu lên, lúc đó, Thế Tôn tại núi Kỳ-xà-quạt

知韋提希心之所念。即勅大目犍連及以阿難。

tri Vi-đề-hy tâm chi sở niệm. tức sắc Đại Mục-kiền-liên cập dĩ A-nan.

biết tâm niệm của Vi-đề-hy, liền sai Đại Mục-kiền-liên và A-nan

從空而來。佛從耆闍崛山沒。於王宮出。

tòng không nhi lai. Phật tòng Kỳ-xà-quạt sơn một. ư Vương cung xuất.

từ không trung mà đến. Phật từ núi Kỳ-xà-quạt ẩn mất rồi xuất hiện trong cung vua.

時韋提希禮已舉頭。見世尊釋迦牟尼佛。

thời Vi-đề-hy lễ dĩ cử đầu. kiến Thế tôn Thích-ca Mâu-ni Phật.

Lúc đó, Vi-đề-hy đánh lễ xong ngẩng đầu lên thấy Phật Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn

身紫金色坐百寶蓮華。目連侍左。

thân tử kim sắc tọa bách bảo liên hoa. mục liên thị tả.

thân sắc vàng tía ngồi trên đài hoa sen trăm báu. Mục-kiền-liên hầu bên trái,

阿難在右。釋梵護世諸天在虛空中。

A-nantại hữu. thích phạm hộ thế chư Thiên tại hư không trung.

A-nan hầu bên phải, trời Phạm Thiên Đế Thích hộ đời cùng các chư Thiên ở trong không trung

普雨天華持用供養。時韋提希見佛世尊。

phổ vũ Thiên hoa trì dụng cung dưỡng. thời Vi-đề-hy kiến Phật Thế tôn.

rưới mưa hoa trời để cúng dường. Lúc ấy, Vi-đề-hy thấy Phật Thế Tôn,

自絕瓔珞舉身投地。號泣向佛白言。世尊。

tự tuyệt anh lạc cử thân đầu địa. hiệu khắp hướng Phật bạch ngôn. Thế tôn.

tự cởi chuỗi anh lạc, gập mình xuống đất, gào khóc hướng Phật mà bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

我宿何罪生此惡子。世尊復有何等因緣。

ngã tú hà tội sanh thử ác tử. Thế tôn phục hữu hà đẳng nhân duyên.

Con xưa vì tội tình gì mà sanh con ác? Thế Tôn lại có nhân duyên gì mà

與提婆達多共為眷屬。唯願世尊。為我廣說無憂惱處。

dữ Đề-bà-đạt-đa cộng vi quyến thuộc. duy nguyện Thế tôn. vi ngã quảng thuyết Vô ưu não xử.

cùng Đề-bà-đạt-đa làm quyến thuộc? Ngưỡng mong Thế Tôn vì con rộng nói để không còn sầu ưu phiền não.

我當往生。不樂閻浮提濁惡世也。

ngã đương vãng sanh. bất lạc Diêm-phù-đề trước ác thế dã.

Con phải vãng sanh, không thích cõi Diêm-phù-đề ác trước.

此濁惡處。地獄餓鬼畜生盈滿。多不善聚。

thử trước ác xử. Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh doanh mãn. đa bất thiện tụ.

Nơi ác trước này đầy dẫy địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhiều điều bất thiện.

願我未來不聞惡聲。不見惡人。

nguyện ngã vị lai bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân.

Con nguyện đến đời vị lai không nghe tiếng ác, không thấy người ác.

今向世尊五體投地。求哀懺悔。

kim hướng Thế tôn ngũ thể đầu địa, cầu ai sám hối.

Con nay hướng về Thế Tôn năm vóc sát đất cầu xin sám hối.

唯願佛日教我觀於清淨業處。爾時世尊放眉間光。其光金色。

duy nguyện Phật nhật giáo ngã quán u thanh tịnh nghiệp xử, nhĩ thời Thế tôn phóng my gian quang, kỳ quang kim sắc.

Hôm nay xin Phật chỉ dạy cho con cách quán nghiệp thanh tịnh. Bấy giờ Thế Tôn từ giữa chặn mày phóng ra ánh sáng, ánh sáng sắc vàng ấy

遍照十方無量世界。還住佛頂。

biến chiếu thập phương vô lượng thế giới, hoàn trụ Phật đỉnh.

chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới rồi trở về trụ trên đỉnh Phật,

化為金臺如須彌山。十方諸佛淨妙國土。皆於中現。

hóa vi kim đài như Tu-Di sơn, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ, giai u trung hiện.

hóa làm kim đài như núi Tu-di. Các cõi nước chư Phật thanh tịnh đẹp đẽ ở trong mười phương đều hiện trong đó.

或有國土七寶合成。復有國土純是蓮花。

hoặc hữu quốc độ thất bảo hợp thành, phục hữu quốc độ thuần thị liên hoa.

Hoặc có cõi nước do bảy báu làm thành, lại có cõi nước toàn bằng hoa sen,

復有國土如自在天宮。復有國土如頗梨鏡。

phục hữu quốc độ như Tự Tại Thiên cung, phục hữu quốc độ như pha-lê kính.

lại có cõi nước như cung trời Tự Tại, lại có cõi nước như gương pha lê,

十方國土皆於中現。

thập phương quốc độ giai u trung hiện.

mười phương cõi nước đều hiện trong đó.

有如是等無量諸佛國土嚴顯可觀。令韋提希見。時韋提希白佛言。

hữu như thị đẳng vô lượng chư Phật quốc độ nghiêm hiển khả quán, lệnh Vi-đề-hy kiến, thời Vi-đề-hy bạch Phật ngôn.

Có vô lượng cõi nước chư Phật trang nghiêm hiển hiện để nhìn làm cho Vi-đề-hy thấy.

Lúc đó Vi-đề-hy bạch Phật rằng:

世尊。是諸佛土。雖復清淨皆有光明。

Thế tôn, thị chư Phật độ, tuy phục thanh tịnh giai hữu quang-minh.

Bạch Thế Tôn! Các cõi nước Phật này tuy thanh tịnh và có ánh sáng, nhưng

我今樂生極樂世界阿彌陀佛所。唯願世尊。

ngã kim lạc sanh Cực-Lạc thế giới A-di-đà Phật sở, duy nguyện Thế tôn.

nay con thích sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A-di-đà. Ngưỡng mong Thế Tôn

教我思惟教我正受。爾時世尊即便微笑。

giáo ngã tư duy giáo ngã chánh thọ, nhĩ thời Thế tôn túc tiện vi tiếu.

dạy cho con tư duy và dạy cho chánh thọ. Lúc đó Thế Tôn liền mỉm cười,

有五色光從佛口出。

hữu ngũ sắc quang tòng Phật khẩu xuất.

có luồng ánh sáng năm màu theo miệng Phật phóng ra.

一一光照頻婆娑羅王頂。爾時大王雖在幽閉。

nhất nhất quang chiếu Tần-bà sa la Vương đỉnh, nhĩ thời Đại Vương tuy tại u bế.

Mỗi mỗi ánh sáng chiếu trên đầu vua Tần-bà-sa-la. Lúc bấy giờ Đại Vương tuy ở trong ngục tối

心眼無障遙見世尊。頭面作禮。自然增進成阿那含。

tâm nhân Vô chướng dao kiến Thế tôn. đầu diện tác lễ. tự nhiên tăng tiến thành A na hàm.

mà tâm và mắt không chướng ngại, xa thấy Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, tự nhiên lên thành bậc A-na-hàm.

爾時世尊告韋提希。汝今知不。

nhĩ thời Thế tôn cáo Vi-đề-hy. nữ kim tri phủ.

Lúc đó Thế Tôn bảo Vi-đề-hy: Nay người biết không?

阿彌陀佛去此不遠。汝當繫念諦觀彼國淨業成者。

A-di-đà Phật khú thù bất viễn. nữ đương hệ niệm để quán bi quốc tịnh nghiệp thành giả.

Phật A-di-đà cách đây không xa không. Người nên buộc niệm quán sát kỹ cõi nước kia cho nghiệp được thanh tịnh.

我今為汝廣說眾譬。

ngã kim vị nữ quảng thuyết chúng thí.

Ta nay sẽ vì người rộng nói các thí dụ,

亦令未來世一切凡夫欲修淨業者得生西方極樂國土。

diệc linh vị lai thế nhất thiết phạm phu dục tu tịnh nghiệp giả đắc sanh Tây phương Cực-Lạc quốc độ.

cũng khiến tất cả phạm phu đời vị lai muốn tu tịnh nghiệp để được sanh ở cõi nước Tây phương Cực Lạc.

欲生彼國者。當修三福。一者孝養父母。奉事師長。

dục sanh bi quốc giả. đương tu tam phúc. nhất giả hiếu dưỡng phụ mẫu. phụng sự sư trưởng.

Người muốn sanh về cõi nước đó phải tu ba thứ phúc: 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Sư trưởng

慈心不殺。修十善業。二者受持三歸。

từ tâm bất sát. tu thập thiện nghiệp. nhị giả thọ trì tam quy.

từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp thiện. 2. Thọ trì tam quy,

具足眾戒。不犯威儀。三者發菩提心。

cụ túc chúng giới. bất phạm uy nghi. tam giả phát bồ đề tâm.

đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. 3. Phát tâm Bồ-đề,

深信因果。讀誦大乘。勸進行者。

thâm tín nhân quả. độc tụng Đại thừa. khuyến tiến hành giả.

tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến người siêng năng tu tập.

如此三事名為淨業。佛告韋提希。汝今知不。

như thử tam sự danh vị tịnh nghiệp. Phật cáo Vi-đề-hy. nữ kim tri phủ.

Ba việc như vậy gọi là tịnh nghiệp. Phật bảo Vi-đề-hy: Người nay biết không?

此三種業乃是過去未來現在。三世諸佛淨業正因。

thử tam chủng nghiệp nãi thị quá khứ vị lai hiện tại. tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân.

Ba thứ nghiệp này mới là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại.

佛告阿難及韋提希。諦聽諦聽善思念之。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. để thính để thính thiện tu niệm chi.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Lắng nghe! Lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ!

如來今者。

Như-Lai kim giả.

Nay Như Lai

為未來世一切眾生為煩惱賊之所害者。說清淨業。善哉韋提希快問此事。

vi vị lai thế nhất thiết chúng sanh vi phiền não tặc chi sở hại giả. thuyết thanh tịnh nghiệp. Thiện tai Vi-đề-hy khoái vẫn thử sự.
sẽ vì tất cả chúng sanh ở đời vị lai bị giặc phiền não nhiều hại mà nói về nghiệp thanh tịnh. Hay thay Vi-đề-hy vui hỏi việc này!

阿難。汝當受持廣為多眾宣說佛語。

A-nan, nữ đương thọ trì quảng vị đa chúng tuyên thuyết Phật ngữ.

Này A-nan! Ông nên thọ trì và rộng vì tất cả chúng sanh tuyên lại lời Phật dạy.

如來今者。

Nhu-Lai kim giả.

Nay Nhu Lai

教韋提希及未來世一切眾生觀於西方極樂世界。以佛力故。當得見彼清淨國土。

giáo Vi-đề-hy cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh quán ư Tây phương Cực-Lạc thế

giới. dĩ Phật lực cố. đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ.

chỉ bày cho Vi-đề-hy cùng tất cả chúng sanh ở đời vị lai quán sát thế giới Tây phương Cực Lạc. Nhờ Phật lực nên sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh kia

如執明鏡自見面像。見彼國土極妙樂事。

như chấp minh kính tự kiến diện tượng. kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự.

như cầm gương sáng tự thấy bóng mình; thấy các việc kỳ diệu vui sướng ở cõi nước kia

心歡喜故。應時即得無生法忍。

tâm hoan hỷ cố. ứng thời tức đắc vô sanh Pháp nhẫn.

nên tâm sanh hoan hỷ, tức thời liền được Vô sanh pháp nhẫn.

佛告韋提希。汝是凡夫心想羸劣。未得天眼。

Phật cáo Vi-đề-hy. nữ thị phàm phu tâm tưởng luy liệt. vị đắc Thiên nhãn.

Phật bảo Vi-đề-hy: Người là người phàm phu, tâm tưởng yếu đuối thấp kém, chưa được Thiên nhãn,

不能遠觀。諸佛如來有異方便。令汝得見。

bất năng viễn quán. chư Phật như lai hữu dị phương tiện. lệnh nữ đắc kiến.

không thể thấy xa trông rộng. Chư Phật Như Lai có những phương tiện khác sẽ làm cho người được thấy.

時韋提希白佛言。世尊。

thời Vi-đề-hy bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Lúc đó Vi-đề-hy bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如我今者以佛力故見彼國土。若佛滅後諸眾生等。

như ngã kim giả dĩ Phật lực cố kiến bỉ quốc độ. nhược Phật diệt hậu chư chúng sanh đẳng.

Như con nay do Phật lực nên thấy được cõi nước kia. Nếu sau khi Phật nhập diệt, các hàng chúng sanh

濁惡不善五苦所逼。云何當見阿彌陀佛極樂世界。

trược ác bất thiện ngũ khổ sở bức. vân hà đương kiến A-di-đà Phật Cực-Lạc thế giới.

chịu khổ của năm ác trước bất thiện bức bách thì phải làm sao để thấy thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà?

佛告韋提希。汝及眾生。應當專心。繫念一處。

Phật cáo Vi-đề-hy. nữ cập chúng sanh. ứng đương chuyên tâm. hệ niệm nhất xứ.

Phật bảo Vi-đề-hy: Người và chúng sanh nên phải chuyên tâm buộc niệm vào một chỗ
想於西方。云何作想。凡作想者。

tưởng ư Tây phương. vân hà tác tưởng. phàm tác tưởng giả.

quán tưởng cõi Tây phương. Quán tưởng thế nào? Đó là quán tưởng

一切眾生自非生盲。有目之徒皆見日沒。當起想念。

nhất thiết chúng sanh tự phi sanh manh. hữu mục chi đồ giai kiến nhật một. đương khởi tưởng niệm.

tất cả chúng sanh từ khi sanh ra không phải mù loà. Những người có mắt đều thấy mặt trời lặn, phải khởi lên tưởng niệm,

正坐西向諦觀於日。令心堅住。

chánh tọa Tây hướng để quán u nhật. lệnh tâm kiên trụ.

ngồi ngay ngắn hướng về phía Tây quán sát mặt trời, khiến tâm an trú kiên cố, 專想不移。見日欲沒狀如懸鼓。既見日已。

chuyên tưởng bất di. kiến nhật dục một trạng như huyền cổ. ký kiến nhật dĩ.

chuyên trì quán tưởng không dời đổi, thấy mặt trời sắp lặn dường như chiếc trống treo; thấy mặt trời xong,

閉目開目皆令明了。是為日想。名曰初觀。

bế mục khai mục giai lệnh minh liễu. thị vi nhật tưởng. danh viết sơ quán.

nhắm mắt mở mắt đều thấy rõ ràng, đó là Nhật tưởng, gọi là phép quán đầu tiên.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Người làm quán tưởng như vậy gọi là chánh quán, có quán tưởng khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。初觀成已。次作水想。

Phật cáo A-nan và Vi-đề-hy. sơ quán thành dĩ. thứ tác thủy tưởng.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Sơ quán thành công rồi, thứ đến quán tưởng nước;

想見西方一切皆是大水。見水澄清。

tưởng kiến Tây phương nhất thiết giai thị Đại thủy. kiến thủy trù thành thanh.

quán thấy cõi Tây phương, tất cả đều là nước lớn, thấy nước lắng trong

亦令明了。無分散意。既見水已當起冰想。

diệc lệnh minh liễu. vô phân tán ý. ký kiến thủy dĩ đương khởi băng tưởng.

cũng làm cho rõ ràng không để tâm ý bị phân tán; thấy nước xong phải khởi quán tưởng về băng,

見冰映徹作琉璃想。此想成已。

kiến băng ánh triệt tác lưu ly tưởng. thử tưởng thành dĩ.

thấy băng trong suốt tưởng như lưu ly. Quán tưởng này thành công rồi

見琉璃地內外映徹。下有金剛七寶金幢。擎琉璃地。

kiến lưu ly địa nội ngoại ánh triệt. hạ hữu Kim cương thất bảo kim tràng. kinh lưu ly địa.

thấy đất lưu ly trong ngoài trong suốt, dưới đất có tràng vàng kim cương bảy báu, kinh lưu ly trải đất.

其幢八方八楞具足。一擎一方面百寶所成。

kỳ tràng bát phương bát lăng cụ túc. nhất nhất phương diện bách bảo sở thành.

Tràng ấy đủ tám mặt tám góc, mỗi kinh mỗi mặt do trăm thứ báu tạo thành.

一一寶珠有千光明。一光明八萬四千色。映琉璃地。

nhất nhất bảo châu hữu thiên quang-minh. nhất quang-minh bát vạn tứ thiên sắc. ánh lưu ly địa.

Mỗi viên ngọc châu có ngàn tia sáng, mỗi một tia sáng có tám vạn bốn ngàn màu sắc, đất lưu ly tỏa sáng

如億千日不可具見。琉璃地上。

như ức thiên nhật bất khả cụ kiến. lưu ly địa thượng.

như ngàn ức mặt trời không thể thấy cho hết được. Trên đất lưu ly,

以黃金繩雜廁間錯。以七寶界分齊分明。

dĩ hoàng kim thằng tạp xí gian thác. dĩ thất bảo giới phân tề phân minh.

dùng dây vàng đan xen ở giữa, dùng bảy báu phân chia ranh giới ngay ngắn rõ ràng.

一一寶中有五百色光。其光如花。又似星月。

nhất nhất bảo trung hữu ngũ bách sắc quang. kỳ quang như hoa. hựu tự tinh nguyệt.

Trong mỗi mỗi báu có năm trăm sắc sáng. Tia sáng ấy như hoa, lại như trăng như sao

懸處虛空成光明臺。樓閣千萬百寶合成。

huyền xử hư không thành quang-minh đài. lầu các thiên vạn bách bảo hợp thành.
treo giữa hư không thành đài ánh sáng. Lầu gác làm bằng trăm ngàn thứ báu.

於臺兩邊各有百億花幢無量樂器。以為莊嚴。

ư đài lưỡng biên các hữu bách ức hoa tràng vô lượng nhạc khí. dĩ vi trang nghiêm.
Hai bên đài đều có trăm ức tràng hoa và vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm.

八種清風從光明出。鼓此樂器。

bát chủng thanh phong tòng quang-minh xuất. cổ thủ nhạc khí.

Từ nơi tia sáng xuất ra tám thứ gió mát. Trống nhạc khí này

演說苦空無常無我之音。是為水想。名第二觀。此想成時。

diễn thuyết khổ không vô thường vô ngã chi âm. thị vi thủy tưởng. danh đệ nhị
quán. thủ tưởng thành thời.

diễn thuyết các thứ tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã, đó là quán tưởng về nước.

Gọi là phép quán thứ hai. Khi quán tưởng này thành công rồi,

一一觀之極了了。閉目開目不令散失。

nhất nhất quán chi cực liễu liễu. bế mục khai mục bất lệnh tán thất.

mỗi mỗi lần quán làm cho rõ ràng, nhắm mắt mở mắt không bị tán mất.

唯除食時。恒憶此事。作此觀者名為正觀。

duy trừ thực thời. hằng ức thủ sự. tác thủ quán giả danh vi chánh quán.

Chỉ trừ lúc ăn, còn lúc nào cũng nhớ việc này. Người làm quán như vậy gọi là chánh quán,

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希。

nhược tha quán giả danh vi tà quán. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy.

nếu làm quán khác gọi là tà quán. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

水想成已。名為粗見極樂國地。若得三昧。

thủy tưởng thành dĩ. danh vi thô kiến Cực-Lạc quốc địa. nhược đắc tam muội.

Quán tưởng về nước thành công rồi, gọi là thấy sơ sài đất đai nơi cõi nước Cực Lạc.

Nếu được Tam muội thì

見彼國地了了分明。不可具說。是為地想。

kiến bỉ quốc địa liễu liễu phân minh. bất khả cụ thuyết. thị vi địa tưởng.

thấy tường tận rõ ràng đất đai nơi cõi nước kia không thể nói cho hết được. Đó là tưởng về đất,

名第三觀。

danh đệ tam quán.

gọi là phép quán thứ ba.

佛告阿難。汝持佛語。

Phật cáo A-nan. nhữ trì Phật ngữ.

Phật bảo A-nan: Ông nên giữ gìn lời Phật dạy,

為未來世一切大眾欲脫苦者。說是觀地法。若觀是地者。

vị vị lai thế nhất thiết Đại chúng dục thoát khổ giả. thuyết thị quán địa Pháp. nhược
quán thị địa giả.

vì tất cả đại chúng ở đời vị lai, người nào muốn thoát khỏi khổ, nên vì họ mà nói
pháp quán đất này. Nếu người quán về đất như thế,

除八十億劫生死之罪。捨身他世必生淨國。

trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. xả thân tha thế tất sanh tịnh quốc.

trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp; bỏ thân ở thế giới kia, liền sanh về cõi
nước Cực Lạc,

心得無疑。作是觀者名為正觀。

tâm đắc vô nghi. tác thị quán giả danh vi chánh quán.

tâm được vô ngại. Người làm quán như vậy gọi là chánh quán,

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希。地想成已。

nhuộc tha quán giả danh vi tà quán. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. địa tưởng thành dĩ. nếu làm quán khác gọi là tà quán. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Quán tưởng về đất thành công rồi,

次觀寶樹。觀寶樹者。

thứ quán bảo thụ. quán bảo thụ giả.

thứ đến quán về cây báu. Quán tưởng cây báu nghĩa là

一一觀之作七重行樹想。一一樹高八千由旬。

nhất nhất quán chi tác thất trọng hành thụ tưởng. nhất nhất thụ cao bát thiên do tuần.

mỗi mỗi lần quán phải tưởng ra bảy hàng cây. Mỗi mỗi cây cao tám ngàn do tuần.

其諸寶樹七寶花葉無不具足。一一華葉作異寶色。

kỳ chư bảo thụ thất bảo hoa diệp vô bất cụ túc. nhất nhất hoa diệp tác dị bảo sắc.

Các cây báu ấy hoa lá bảy báu không thể nói hết. Mỗi mỗi hoa lá làm bằng các báu màu sắc khác nhau.

琉璃色中出金色光。頗梨色中出紅色光。

lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang. pha-lê sắc trung xuất hồng sắc quang.

Trong sắc lưu ly toả ra sắc sáng vàng, trong sắc pha lê toả ra sắc sáng hồng,

馬腦色中出車磔光。車磔色中出綠真珠光。

mã não sắc trung xuất xa-cừ quang. xa-cừ sắc trung xuất lục chân châu quang.

trong sắc mã não toả ra sắc sáng xa cừ, trong sắc xa cừ toả ra sắc sáng chân châu lục,

珊瑚琥珀一切眾寶以為映飾。妙真珠網彌覆樹上。

san hô hổ phách nhất thiết chúng bảo dĩ vi ánh sức. diệu chân châu võng di phúc thụ thượng.

san hô, hổ phách và tất cả các thứ báu khác làm ánh sáng để trang sức. Lưới trân châu đẹp che phủ trên cây.

一一樹上有七重網。

nhất nhất thụ thượng hữu thất trọng võng.

Trên mỗi mỗi cây có bảy lớp lưới báu.

一一網間有五百億妙華宮殿。如梵王宮。諸天童子自然在中。

nhất nhất võng gian hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện. như Phạm Vương cung. chư Thiên Đồng tử tự nhiên tại trung.

Giữa mỗi mỗi lưới có năm trăm ức cung điện hoa đẹp như cung trời Phạm Vương. Chư Thiên, Đồng tử tự nhiên ở trong đó.

一一童子有五百億釋迦毘楞伽摩尼寶以

nhất nhất Đồng tử hữu ngũ bách ức Thích Ca tì lăng đà ma-ni bảo dĩ

Mỗi mỗi Đồng tử có năm trăm ức Ma-ni bảo Thích-ca-tì-lăng-dà dùng

為瓔珞。其摩尼光照百由旬。

vi anh lạc. kỳ ma-ni quang chiếu bách do tuần.

làm anh lạc. Ma-ni ấy ánh sáng chiếu một trăm do tuần,

猶如和合百億日月。不可具名。眾寶間錯色中上者。

do như hòa hợp bách ức nhật nguyệt. bất khả cụ danh. chúng bảo gian thác sắc trung thượng giả.

như một trăm ức mặt trăng mặt trời hòa hợp lại, không thể gọi tên cho đủ. Màu sắc các báu xen lẫn ở giữa lên trên nhau.

此諸寶樹行行相當。葉葉相次。

thử chư bảo thụ hành hành tương đương. diệp diệp tương thứ.

Các cây báu này hàng hàng tương xứng nhau, lá lá đối xứng nhau.

於眾葉間生諸妙花。花上自然有七寶果。一一樹葉。

ư chúng diệp gian sanh chư diệp hoa. hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả. nhất nhất thụ diệp.

Giữa các ngọn lá mọc lên những cành hoa đẹp, trên mỗi cành hoa tự nhiên có quả bảy báu. Mỗi mỗi lá cây

縱廣正等二十五由旬。其葉千色有百種畫。

túng quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần. kỳ diệp thiên sắc hữu bách chủng họa. dài rộng ngang nhau bằng hai mươi lăm do tuần. Lá ấy ngàn sắc có hàng trăm đường nét
如天纓絡。有眾妙華作閻浮檀金色。

như Thiên anh lạc. hữu chúng diệp hoa tác diêm-phù-đàn kim sắc.
như anh lạc trời, có các hoa đẹp làm bằng sắc Diêm-phù-đàn kim

如旋火輪。宛轉葉間踊生諸果。如帝釋瓶。

như toàn hỏa luân. uyển chuyển diệp gian dũng sanh chư quả. như đế thích bình.
như bánh xe lửa. Giữa mỗi ngọn lá uyển chuyển sanh ra nhiều trái như bình bát của trời Đế Thích,

有大光明。化成幢幡無量寶蓋。是寶蓋中。

hữu Đại quang-minh. hóa thành tràng phiến vô lượng bảo cái. thị bảo cái trung.
có ánh sáng lớn, hoá thành vô lượng tràng phan lọng báu. Trong lọng báu này

映現三千大千世界一切佛事。十方佛國亦於中現。

ánh hiện tam Thiên Đại Thiên thể giới nhất thiết Phật sự. thập phương Phật quốc diệp
ư trung hiện

ánh sáng hiện ra tất cả Phật sự trong ba ngàn đại thiên thể giới. Mười phương cõi Phật cũng hiện ra trong đó.

見此樹已。亦當次第一一觀之。

kiến thử thụ dĩ. diệp đương thứ đệ nhất nhất quán chi.

Thấy cây này xong, cũng phải thứ lớp mỗi mỗi quán tưởng:

觀見樹莖枝葉華果。皆令分明。是為樹想。名第四觀。

quán kiến thụ hành chi diệp hoa quả. giai lệnh phân minh. thị vi thụ tưởng. danh đệ tứ quán.

Quán thấy thân cây, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều làm cho rõ ràng. Đó là tưởng về cây, gọi là phép quán thứ tư.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Người làm quán tưởng này gọi là chánh quán, nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。樹想成已。次當想水。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. thụ tưởng thành dĩ. thứ đương tưởng thủy.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Tưởng về cây thành công rồi, thứ đến phải quán tưởng về nước.

欲想水者。極樂國土有八池水。

dục tưởng thủy giả. Cực-Lạc quốc độ hữu bát trì thủy.

Muốn quán tưởng về nước, phải tưởng cõi nước Cực Lạc có ao nước tám công đức.

一一池水七寶所成。其寶柔軟從如意珠王生。

nhất nhất trì thủy thất bảo sở thành. kỳ bảo nhu nhuyễn tông như ý châu Vương sanh.
Mỗi mỗi ao nước đều do bảy báu tạo thành, bảy báu ấy mềm mại từ ngọc như ý làm thành,
分為十四支。一一支作七寶色。黃金為渠。

phân vi thập tứ chi. nhất nhất chi tác thất bảo sắc. hoàng kim vi cù.

phân làm bốn mươi nhánh. Mỗi nhánh làm bằng màu sắc của bảy báu. Huỳnh kim dùng làm kênh rạch.

渠下皆以雜色金剛以為底沙。

cù hạ giai dĩ tạp sắc Kim cương dĩ vi để sa.

Dưới kênh rạch đều bằng kim cương nhiều màu dùng làm đáy cát.

一一水中有六十億七寶蓮花。

nhất nhất thủy trung hữu lục thập úc thất bảo liên hoa.

Trong mỗi mỗi ao nước có sáu mươi úc hoa sen bảy báu.

一一蓮華團圓正等十二由旬。其摩尼水流注華間尋樹上下。

nhất nhất liên hoa đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần. kỳ ma-ni thủy lưu chú hoa gian tâm thụ thượng hạ.

Mỗi mỗi hoa sen tròn đều đặn bằng mười hai do tuần, dòng nước Ma-ni rót vào nhụy hoa rồi thấm từ trên xuống dưới cây.

其聲微妙演說苦空無常無我諸波羅蜜。

kỳ thanh vi diệu diễn thuyết khổ không vô thường vô ngã chu ba la mật.

Ao ấy có tiếng vi diệu diễn thuyết về vô thường, vô ngã và các Ba-la-mật,

復有讚歎諸佛相好者。

phục hữu tán thán chư Phật tướng hảo giả.

lại có tiếng tán thán tướng tốt của chư Phật.

從如意珠王踊出金色微妙光明。其光化為百寶色鳥。和鳴哀雅。

tòng như ý châu Vương dũng xuất kim sắc vi diệu quang-minh. kỳ quang hóa vi bách bảo sắc điểu. hòa minh ai nhã.

Từ ngọc như ý vọt ra ánh sáng sắc vàng vi diệu. Ánh sáng ấy hóa hiện ra trăm loài chim sắc báu, đồng hát lên những tiếng hòa nhã,

常讚念佛念法念僧。是為八功德水想。

thường tán niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. thị vi bát công đức thủy tướng.

thường tán thán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đó là tướng về nước tám công đức,

名第五觀。作是觀者名為正觀。

danh đệ ngũ quán. tác thị quán giả danh vi chánh quán.

gọi là phép quán thứ năm. Người làm quán như vậy gọi là chánh quán,

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希。眾寶國土。

nhược tha quán giả danh vi tà quán. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. chúng bảo quốc độ.

nếu có quán khác gọi là tà quán. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Cõi nước chúng bảo ấy,

一一界上有五百億寶樓。其樓閣中有無量諸天。

nhất nhất giới thượng hữu ngũ bách úc bảo lâu. kỳ lâu các trung hữu vô lượng chư

Thiên.

trên mỗi mỗi phân giới có năm trăm úc lầu gác báu. Trong lầu gác ấy có vô lượng chư Thiên

作天伎樂。又有樂器懸處虛空。

tác Thiên kỹ nhạc. hựu hữu nhạc khí huyền xử hư không.

trỗi khúc nhạc trời. Lại có nhạc khí treo giữa hư không

如天寶幢不鼓自鳴。此眾音中。

như Thiên bảo幢 không gõ tự kêu. thử chúng âm trung.

như tràng báu trời không gảy mà tự kêu. Trong các âm tiết này

皆說念佛念法念比丘僧。此想成已。

giai thuyết niệm Phật niệm Pháp niệm Tỳ-kheotăng. thử tướng thành dĩ.

đều nói lên tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Quán tưởng này thành công rồi

名為粗見極樂世界寶樹寶地寶池。是為總觀想。名第六觀。

danh vi thô kiến cực lạc thế giới bảo thụ bảo địa bảo trì. thị vi tổng quán

tướng. danh đệ lục quán.

gọi là thấy sơ bộ về cây báu, đất báu, ao báu của thế giới Cực Lạc. Đây gọi là Tổng quán tưởng, là phép quán thứ sáu.

若見此者。除無量億劫極重惡業。

nhược kiến thù giã, trừ vô lượng úc kiếp cực trọng ác nghiệp.
Nếu ai thấy như vậy, trừ được nghiệp ác cực nặng trong vô lượng úc kiếp,
命終之後必生彼國。作是觀者名為正觀。
mạng chung chi hậu tất sanh bỉ quốc. tác thị quán giả danh vi chánh quán.
sau khi mạng chung chắc chắn sanh về cõi kia. Người làm quán như vậy gọi là chánh
quán,
若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希。
nhược tha quán giả danh vi tà quán. Phật cáo A-nan và Vi-đề-hy:
nếu có quán khác gọi là tà quán. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:
諦聽諦聽善思念之。吾當為汝分別解說除苦惱法。
đệ thính đệ thính thiện tư niệm chi. ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết trừ khổ
não Pháp.
Lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người phân biệt giải nói để trừ diệt pháp
khổ não.
汝等憶持。廣為大眾分別解說。說是語時。
nhữ đẳng ức trì. quảng vị Đại chúng phân biệt giải thuyết. thuyết thị ngữ thời.
Các người phải ghi nhớ rồi rộng vì đại chúng phân biệt giải nói. Lúc nói lời này,
無量壽佛住立空中。觀世音大勢至。
Vô lượng thọ Phật trụ lập không trung. Quán Thế Âm Đại thế chí.
Phật Vô lượng Thọ đứng giữa hư không, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí,
是二大士侍立左右。光明熾盛不可具見。
thị nhị Đại sĩ thị lập tả hữu. quang-minh sí thịnh bất khả cụ kiến.
hai vị Đại sĩ đứng hầu hai bên trái phải, ánh sáng nổi lên đầy khắp không thể thấy
cho hết được.
百千閻浮檀金色不得為比。時韋提希見無量壽佛已。
bách thiên diêm-phù-đàn kim sắc bất đắc vi bỉ. thời Vi-đề-hy kiến Vô lượng thọ Phật
dĩ.
Trăm ngàn sắc vàng của Diêm-phù-đàn cũng không thể sánh kịp. Lúc Vi-đề-hy thấy Phật
Vô Lượng Thọ rồi,
接足作禮。白佛言。世尊。我今因佛力故。
tiếp túc tác lễ. bạch Phật ngôn. Thế tôn. ngã kim nhân Phật lực cố.
liền lễ chân Phật mà bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Con nay nương nơi thần lực của Phật mà
得見無量壽佛及二菩薩。未來眾生。
đắc kiến Vô lượng thọ Phật cập nhị Bồ Tát. vị lai chúng sanh.
thấy được Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Chúng sanh trong đời vị lai
當云何觀無量壽佛及二菩薩。佛告韋提希。
đương vân hà quán Vô lượng thọ Phật cập nhị Bồ Tát. Phật cáo Vi-đề-hy.
phải làm thế nào để quán thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát? Phật bảo bà Vi-đề-
hy:
欲觀彼佛者。當起想念。
dục quán bỉ Phật giả. đương khởi tưởng niệm.
Người muốn quán thấy Phật Vô Lượng Thọ phải khởi tưởng niệm:
於七寶地上作蓮花想。令其蓮花一一葉作百寶色。
ư thất bảo địa thượng tác liên hoa tưởng. lệnh kỳ liên hoa nhất nhất diệp tác bách
bảo sắc
Tưởng thấy hoa sen mọc trên đất bảy báu, hoa sen ấy mỗi mỗi ngọn lá do sắc của trăm
thứ báu làm thành,
有八萬四千脈。猶如天畫一一脈有八萬四千光。
hữu bát vạn tứ thiên mạch. do nhu Thiên họa nhất nhất mạch hữu bát vạn tứ thiên
quang.

có tám vạn bốn ngàn mạch gân giống như bức tranh trời. Mỗi mỗi mạch gân có tám vạn bốn ngàn tia sáng,
了了分明皆令得見。
liễu liễu phân minh giai lệnh đắc kiến。
sáng sủa rõ ràng dễ thấy。
華葉小者縱廣二百五十由旬。如是蓮華有八萬四千大葉。
hoa diệp tiểu giả túng quảng nhị bách ngũ thập do-tuần. như thị liên hoa hữu bát vạn tứ thiên Đại diệp。
Hoa lá nhỏ ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần. Hoa sen như vậy có tám vạn bốn ngàn lá lớn。
一一葉間。有百億摩尼珠王。以為映飾。
nhất nhất diệp gian. hữu bách ức ma-ni châu Vương. dĩ vi ánh sức。
Giữa mỗi mỗi lá có trăm ức ngọc Ma-ni dùng làm ánh sáng trang sức。
一一摩尼珠放千光明。其光如蓋七寶合成。
nhất nhất ma-ni châu phóng thiên quang-minh. kỳ quang như cái thớt bảo hợp thành
Mỗi mỗi viên ngọc Ma-ni phóng ra ngàn tia sáng, tia sáng ấy như chiếc lọng làm bằng bảy báu
遍覆地上。釋迦毘楞伽摩尼寶以為其臺。
biển phúc địa thượng. Thích Ca tì lăng đà ma-ni bảo dĩ vi kỳ đài。
che phủ trên đất. Ngọc Ma-ni Thích-ca-tỳ-lăng-già dùng làm đài。
此蓮花臺。八萬金剛甄叔迦寶。
thử liên hoa đài. bát vạn Kim cương chân-thúc-ca bảo。
Đài hoa sen này có tám vạn lưới bằng Kim cương, Chân-thúc-ca bảo,
梵摩尼寶妙真珠網。以為交飾。於其臺上。
phạm ma-ni bảo diệp chân châu võng. dĩ vi giao sức. ư kỳ đài thượng。
Phạm-ma-ni bảo và Diệp chân châu dùng làm trang sức. Trên các đài hoa sen ấy
自然而有四柱寶幢。一一寶幢如百千萬億須彌山。
tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng. nhất nhất bảo tràng như bách thiên vạn ức Tu-Di sơn。
bốn cột trụ tràng báu tự nhiên mà có. Mỗi mỗi tràng báu giống như trăm ngàn vạn ức núi Tu-di。
幢上寶縵如夜摩天宮。復有五百億微妙寶珠。
tràng thượng bảo mạn như Dạ-Ma Thiên cung. phục hữu ngũ bách ức vi diệp bảo châu。
Trên tràng phan là lụa quý giống như cung trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệp。
以為映飾。一一寶珠有八萬四千光。
dĩ vi ánh sức. nhất nhất bảo châu hữu bát vạn tứ thiên quang。
dùng làm ánh sáng trang sức. Mỗi mỗi bảo châu có tám vạn bốn ngàn tia sáng。
一一光作八萬四千異種金色。一一金色遍其寶土。
nhất nhất quang tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc. nhất nhất kim sắc biến kỳ bảo độ。
Mỗi mỗi tia sáng làm bằng tám vạn bốn ngàn thứ sắc vàng khác nhau. Mỗi mỗi sắc vàng trải khắp đất báu,
處處變化各作異相。或為金剛臺。
xú xú biến hoá các tác dị tướng. hoặc vi Kim cương đài。
nơi nơi chỗ chỗ hóa ra các tướng khác nhau: Hoặc làm đài Kim cương,
或作真珠網。或作雜花雲。
hoặc tác chân châu võng. hoặc tác tạp hoa vân。
hoặc làm lưới chân châu, hoặc làm mây hoa xen lẫn,
於十方面隨意變現施作佛事。是為花座想。名第七觀。

ư thập phương diện tùy ý biến hiện thí tác Phật sự. thị vi hoa tọa tướng. danh đệ
thất quán.
xoay về mười phương tùy ý biến hiện ra các Phật sự. Đây là quán tưởng về tòa hoa, gọi
là phép quán thứ bảy.
佛告阿難。如此妙花。
Phật cáo A-nan. như thử diệu hoa.
Phật bảo A-nan: Diệu hoa như vậy
是本法藏比丘願力所成。若欲念彼佛者。當先作此妙花座想。
thị bốn Pháp Tạng Tỳ-kheo nguyện lực sở thành. nhược dục niệm bi Phật giả. đương tiên
tác thử diệu hoa tọa tướng.
là chỗ thành tựu nguyện lực của Tỳ-kheo Pháp Tạng xưa kia. Nếu người muốn niệm đức
Phật kia, trước phải làm quán tưởng tòa hoa sen vi diệu này.
作此想時不得雜觀。皆應一一觀之。
tác thử tướng thời bất đắc tạp quán. giai ứng nhất nhất quán chi.
Lúc làm tướng này, đều phải ứng với mỗi mỗi thứ quán, không được quán tạp nhập:
一一葉。一一珠。一一光。一一臺。一一幢皆令分明。
nhất nhất diệp. nhất nhất châu. nhất nhất quang. nhất nhất đài. nhất nhất tràng giai
lệnh phân minh.
Mỗi mỗi lá, mỗi mỗi viên ngọc, mỗi mỗi tia sáng, mỗi mỗi đài, mỗi mỗi tràng đều tưởng
ra cho sáng rõ
如於鏡中自見面像。此想成者。
như ư kính trung tự kiến diện tượng. thử tướng thành giả.
giống như thấy mặt mình trong gương. Người làm tướng này thành công thì
滅除五百億劫生死之罪。必定當生極樂世界。
diệt trừ ngũ bách ức kiếp sanh tử chi tội. tất định đương sanh Cực-Lạc thế giới.
diệt trừ được tội sanh tử trong năm trăm ức kiếp, quyết định sẽ sanh thế giới Cực
Lạc.
作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。
tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán.
Người làm quán tưởng như vậy gọi là chánh quán, nếu có quán tưởng khác gọi là tà
quán.
佛告阿難及韋提希。見此事已。次當想佛。
Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. kiến thử sự dĩ. thứ đương tưởng Phật.
Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Thấy việc này xong, thứ đến nên quán tưởng Phật.
所以者何。諸佛如來是法界身。
sở dĩ giả hà. chư Phật như lai thị Pháp giới thân.
Vì sao vậy? Vì thân chư Phật Như Lai là pháp giới,
遍入一切眾生心想中。是故汝等心想佛時。
biến nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. thị cố nhữ đẳng tâm tướng Phật
thời.
biến nhập khắp trong tâm tướng của tất cả chúng sanh. Vì vậy, lúc tâm của các người
tưởng đến Phật thì
是心即是三十二相八十隨形好。是心作佛是心是佛。
thị tâm tức thị tam thập nhị tướng bát thập tùy hình hảo. thị tâm tác Phật thị tâm
thị Phật.
tâm này chính là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Tâm này làm Phật, tâm này
là Phật.
諸佛正遍知海從心想生。
chư Phật Chánh-biến-Tri hải tòng tâm tướng sanh.
Biến Chánh Biến Tri của chư Phật là từ tâm tướng mà sanh ra.

是故應當一心繫念諦觀彼佛多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛

thị cố ứng đương nhất tâm hệ niệm đế quán bi Phật đa đà a dà độ a la ha tam miểu tam Phật

Vì vậy phải nên nhất tâm buộc niệm quán sát kỹ đức Phật Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miêu-tam Phật Đà kia.

陀。想彼佛者。先當想像。

Đà. tưởng bi Phật giả. tiên đương tưởng tượng.

Người quán tưởng đức Phật kia, trước phải tưởng nhớ đến hình ảnh của ngài,

閉目開目見一寶像如閻浮檀金色坐彼華上。像既坐已。

Bế mục khai mục kiến nhất bảo tượng như diêm-phù-đàn kim sắc tọa bi hoa thượng. tượng ký tọa dĩ.

nhắm mắt mở mắt chỉ thấy một tượng báu sắc vàng bằng Diêm-phù-đàn ngồi trên hoa sen kia. Hình tượng ngồi xong,

心眼得開。了了分明。

tâm nhãn đắc khai. liễu liễu phân minh.

nhãn tâm được mở,

見極樂國七寶莊嚴寶地寶池寶樹行列。諸天寶縵彌覆樹上。

kiến Cực-Lạc quốc thất bảo trang nghiêm bảo địa bảo trì bảo thụ hành liệt. chu Thiên bảo man di phúc thụ thượng.

thấy rõ ràng minh bạch bảy báu, đất báu, ao báu, cây báu xếp thành hàng lối trang nghiêm cõi Cực Lạc. Lụa báu trời che phủ lên cây,

眾寶羅網滿虛空中。

chúng bảo la võng mãn hư không trung.

các lưới báu giăng khắp trong hư không;

見如此事極令明了如觀掌中。見此事已。

kiến như thử sự cực lệnh minh liễu như quán chưởng trung. kiến thử sự dĩ.

thấy sự việc này rất rõ ràng như xem lòng bàn tay; thấy việc ấy xong,

復當更作一大蓮華在佛左邊。如前蓮華等無有異。

phục đương canh tác nhất Đại liên hoa tại Phật tả biên. như tiền liên hoa đẳng vô hữu dị.

lại phải tưởng ra một hoa sen lớn bên trái Phật, như các hoa sen trước không có sai khác;

復作一大蓮華在佛右邊。想一觀世音菩薩像坐左華座。

phục tác nhất Đại liên hoa tại Phật hữu biên. tưởng nhất Quán Thế Âm Bồ-tát tượng tọa tả hoa tọa.

lại tưởng ra một hoa sen lớn ở bên phải Phật, tưởng ra một hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi trên hoa sen bên trái,

亦放金光如前無異。

diệc phóng kim quang như tiền vô dị.

cũng phóng ánh sáng sắc vàng như trước không khác;

想一大勢至菩薩像坐右華座。此想成時。佛菩薩像皆放妙光。

tưởng nhất Đại thế chí Bồ-tát tượng tọa hữu hoa tọa. thử tưởng thành thời. Phật Bồ-tát tượng giai phóng diệu quang.

tưởng ra một hình tượng Bồ-tát Đại Thế Chí ngồi trên hoa sen bên phải. Khi tưởng này thành công rồi, tượng Phật và Bồ-tát đều phóng ánh sáng vi diệu,

其光金色照諸寶樹。一一樹下亦有三蓮華。

kỳ quang kim sắc chiếu chư bảo thụ. nhất nhất thụ hạ diệc hữu tam liên hoa.

ánh sáng sắc vàng ấy chiếu soi các cây báu. Dưới mỗi mỗi cây cũng có ba hoa sen.

諸蓮華上各有一佛二菩薩像。遍滿彼國。

chư liên hoa thượng các hữu nhất Phật nhị Bồ-tát tượng. biên mãn bi quốc.

Trên các hoa sen đều có hình tượng một vị Phật và hai vị Bồ-tát biến khắp cõi nước Cực Lạc kia.

此想成時。

thử tưởng thành thời。

Lúc quán tưởng như vậy thành công rồi,

行者當聞水流光明及諸寶樹鳥鴈鴛鴦皆說妙法。出定入定恒聞妙法。

hành giả đương văn thủy lưu quang-minh cập chư bảo thụ phù nhận uyên ương giai thuyết diệu pháp。xuất định nhập định hằng văn diệu pháp。

hành giả sẽ nghe tiếng nước chảy, ánh sáng cùng các cây báu, vịt trời, chim nhận, chim uyên ương đều nói diệu pháp; xuất định nhập định thường nghe diệu pháp。

行者所聞。出定之時憶持不捨。令與修多羅合。

hành giả sở văn。xuất định chi thời ức trì bất xả。lệnh dữ tu đa-la hợp。

Chỗ nghe đó của hành giả, lúc ra khỏi định vẫn thường giữ không bỏ, khiến cùng hợp với Tu-đa-la。

若不合者名為妄想。若與合者。

nhược bất hợp giả danh vi vọng tưởng。nhược dữ hợp giả。

Nếu không hợp thì đó gọi là vọng tưởng, nếu cùng hợp thì đó

名為龜想見極樂世界。是為想像。名第八觀。

danh vi thô tưởng kiến Cực-Lạc thế giới。thị vi tưởng tượng。danh đệ bát quán。

gọi thô tưởng thấy thế giới Cực Lạc。Ấy là tưởng về hình tượng, gọi là phép quán thứ tám。

作是觀者。除無量億劫生死之罪。

tác thị quán giả。trừ vô lượng ức kiếp sanh tử chi tội。

Người làm quán tưởng này trừ được tội sanh tử trong vô lượng ức kiếp,

於現身中得念佛三昧。作是觀者名為正觀。

ư hiện thân trung đắc niệm Phật tam muội。tác thị quán giả danh vi chánh quán。

thân trong đời hiện tại được niệm Phật Tam muội。Người làm quán tưởng này gọi là chánh quán,

若他觀者名為邪觀。

nhược tha quán giả danh vi tà quán。

nếu làm quán tưởng khác gọi là tà quán。

佛告阿難及韋提希。此想成已。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy。thử tưởng thành dĩ。

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Quán tưởng này thành công rồi,

次當更觀無量壽佛身相光明。阿難當知。無量壽佛身。

thứ đương canh quán Vô lượng thọ Phật thân tướng quang-minh。A-nan đương tri。Vô lượng thọ Phật thân。

thứ đến lại phải quán thân tướng quang minh của Phật Vô Lượng Thọ。A-nan nên biết, thân Phật Vô Lượng Thọ

如百千萬億夜摩天閻浮檀金色。

như bách thiên vạn ức Dạ-Ma Thiên diêm-phù-đàn kim sắc。

như trăm ngàn vạn ức sắc vàng của Diêm-phù-đàn trời Dạ Ma。

佛身高六十萬億那由他恒河沙由旬。

Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần。

Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần。

眉間白毫右旋宛轉如五須彌山。

mỹ gian bạch hào hữu toàn uyển chuyển như ngũ Tu-Di sơn。

Lông trắng giữa chặn mày xoáy về bên phải như năm ngọn núi Tu-di。

佛眼清淨如四大海水清白分明。身諸毛孔演出光明如須彌山。

Phật nhãn thanh tịnh như tú Đại hải thủy thanh bạch phân minh. thân chư mao không
diễn xuất quang-minh như Tu-Di sơn.
Mắt Phật thanh tịnh như nước trong bốn biển lớn, trong xanh sáng suốt. Các lỗ chân
lông trên thân Phật xuất ra ánh sáng như núi Tu-di.

彼佛圓光如百億三千大千世界。於圓光中。
bì Phật Viên Quang như bách ức tam Thiên Đại Thiên thế giới. ư Viên Quang trung.
Ánh sáng của Phật kia tròn đầy như trăm ức Tam thiên đại thiên thế giới. Trong ánh
sáng tròn đầy ấy,
有百萬億那由他恒河沙化佛。一一化佛。
hữu bách vạn ức na-do-tha hằng hà sa hóa Phật. nhất nhất hóa Phật.
có trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa hóa Phật. Mỗi mỗi hóa Phật
亦有眾多無數化菩薩。以為侍者。
diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ Tát. dĩ vi thị giả.
cũng có nhiều vô số các hóa Bồ-tát để làm thị giả.
無量壽佛有八萬四千相。一一相中。
Vô lượng thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng. nhất nhất tướng trung.
Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng
各有八萬四千隨形好。一一好中復有八萬四千光明。
các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. nhất nhất hảo trung phục hữu bát vạn tứ thiên
quang-minh.
đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp phụ. Trong mỗi mỗi vẻ đẹp lại có tám vạn bốn ngàn ánh
sáng.
一一光明遍照十方世界。念佛眾生攝取不捨。
nhất nhất quang-minh biến chiếu thập phương thế giới. niệm Phật chúng sanh nhiếp thủ
bất xả.
Mỗi mỗi ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, chúng sanh niệm Phật nhiếp thủ
không bỏ.
其光相好及與化佛。不可具說。
kỳ quang tướng hảo cập dĩ hóa Phật. bất khả cụ thuyết.
Ánh sáng, tướng tốt và hóa Phật không thể nói cho hết được,
但當憶想令心明見。見此事者。
đãn đương ức tưởng lệnh tâm minh kiến. kiến thử sự giả.
chỉ cần tưởng nhớ đến là tâm thấy rõ ràng. Thấy sự việc như thế,
即見十方一切諸佛。以見諸佛故名念佛三昧。作是觀者。
tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật. dĩ kiến chư Phật cố danh niệm Phật tam
muội. tác thị quán giả.
tức là thấy tất cả chư Phật trong mười phương. Do thấy chư Phật nên gọi là niệm Phật
Tam muội. Người làm quán như vậy
名觀一切佛身。以觀佛身故亦見佛心。
danh quán nhất thiết Phật thân. dĩ quán Phật thân cố diệc kiến Phật tâm.
gọi là quán tất cả thân Phật. Do quán thân Phật nên cũng thấy tâm Phật.
諸佛心者大慈悲是。以無緣慈攝諸眾生。
chư Phật tâm giả Đại từ bi thị. dĩ vô duyên từ nhiếp chư chúng sanh.
Tâm của chư Phật ấy là tâm đại từ đại bi, dùng vô duyên từ mà thu nhiếp các chúng
sanh.
作此觀者。捨身他世生諸佛前。得無生忍。
tác thử quán giả. xả thân tha thế sanh chư Phật tiền. đắc vô sanh nhẫn.
Người làm quán ấy, khi bỏ thân ở thế giới khác, liền sanh ở trước chư Phật, được Vô
sanh nhẫn.
是故智者應當繫心諦觀無量壽佛。

thị cố trí giả ứng đương hệ tâm đế quán Vô lượng thọ Phật.
Vì vậy, người trí phải nên buộc tâm quán sát kỹ Phật Vô Lượng Thọ.

觀無量壽佛者。從一相好入。

quán Vô lượng thọ Phật giả. tông nhất tướng hảo nhập.
Người quán Phật Vô Lượng Thọ, theo một tướng hảo mà vào,
但觀眉間白毫極令明了。見眉間白毫相者。

đãn quán mỹ gian bạch hào cực lệnh minh liễu. kiến mỹ gian bạch hào tướng giả.
Chỉ quán lông trắng giữa chận mày thấy cho rõ ràng; thấy lông trắng giữa chận mày ấy thì

八萬四千相好自然當見。見無量壽佛者。

bát vạn tứ thiên tướng hảo tự nhiên đương kiến. kiến Vô lượng thọ Phật giả.
tự nhiên sẽ thấy tám vạn bốn ngàn tướng tốt khác; thấy Phật Vô Lượng Thọ kia
即見十方無量諸佛。得見無量諸佛故。諸佛現前受記。

túc kiến thập phương vô lượng chư Phật. đắc kiến vô lượng chư Phật cố. chư Phật hiện
tiền thọ kí.

liền thấy vô lượng chư Phật trong mười phương. Vì thấy được vô lượng chư Phật nên
được chư Phật hiện tiền thọ ký cho.

是為遍觀一切色想。名第九觀。

thị vi biến quán nhất thiết sắc tướng. danh đệ cửu quán.
Đó là quán tướng khắp tất cả sắc tướng, gọi là phép quán thứ chín.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán.
Người làm quán tướng này gọi là chánh quán, nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

見無量壽佛了了分明已。次亦應觀觀世音菩薩。

kiến Vô lượng thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ. thứ diệc ứng quán Quán Thế Âm Bồ Tát.
Thấy Phật Vô lượng Thọ rõ ràng minh bạch xong, thứ đến phải nên quán Bồ-tát Quán Thế Âm.

此菩薩身長八十億那由他恒河沙由旬。身紫金色。

thử Bồ-tát thân trường bát thập ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần. thân tử kim sắc.
Bồ-tát ấy thân dài tám mươi ức na-do-tha hằng hà sa do tuần, thân màu vàng tía,
頂有肉髻。項有圓光。面各百千由旬。

đỉnh hữu nhục kế. hạng hữu Viên Quang. diện các bách thiên do-tuần.
đảnh có nhục kế, cổ có ánh sáng tròn, mặt tròn trịa trăm ngàn do tuần.

其圓光中有五百化佛。如釋迦牟尼。一一化佛。

kỳ Viên Quang trung hữu ngũ bách hóa Phật. như Thích-ca Mâu-ni. nhất nhất hóa Phật.
Trong ánh sáng tròn đầy ấy có năm trăm hóa Phật, như Phật Thích-ca Mâu-ni. Mỗi mỗi
hóa Phật

有五百菩薩無量諸天。以為侍者。

hữu ngũ bách Bồ-tát vô lượng chư Thiên. dĩ vi thị giả.
có năm trăm vị Bồ-tát và vô lượng chư Thiên dùng làm thị giả.

舉身光中五道眾生。一切色相皆於中現。

cử thân quang trung ngũ đạo chúng sanh. nhất thiết sắc tướng giai ư trung hiện.
Trong ánh sáng thân Phật, chúng sanh trong năm đường, tất cả sắc tướng đều hiện ở
trong đó.

頂上毘楞伽摩尼妙寶。以為天冠。其天冠中有一立化佛。

đỉnh thượng bì lăng đà ma-ni diệu bảo. dĩ vi Thiên quan. kỳ Thiên quan trung hữu nhất
lập hóa Phật.

Trên đỉnh có Tỳ-lăng-già Ma-ni diệu báu dùng làm Thiên Quan, trong Thiên Quan ấy có một hóa Phật

高二十五由旬。

cao nhị thập ngũ do-tuần。

cao hai mươi lăm do tuần。

觀世音菩薩面如閻浮檀金色。眉間毫相備七寶色。

Quán Thế Âm Bồ-tát diện như diêm-phù-đàn kim sắc. my gian hào tướng bị thất bảo sắc. Bồ-tát Quán Thế Âm sắc diện như sắc vàng của Diêm-phù-đàn. Tướng lông mày đủ sắc bảy báu,

流出八萬四千種光明。一一光明。有無量無數百千化佛。

lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng quang-minh. nhất nhất quang-minh. hữu vô lượng vô số bách thiên hóa Phật.

xuất ra tám vạn bốn ngàn thứ ánh sáng. Mỗi mỗi ánh sáng có vô lượng vô số trăm ngàn hóa Phật.

一一化佛。無數化菩薩以為侍者。

nhất nhất hóa Phật. vô số hóa Bồ-tát dĩ vi thị giả。

Mỗi mỗi hóa Phật, có vô số hóa Bồ-tát dùng làm thị giả,

變現自在滿十方界。譬如紅蓮花色。

biến hiện tự-tại mãn thập phương giới. tỷ như hồng liên hoa sắc。

biến hiện tự tại khắp cả mười phương thế giới. Cánh tay như hoa sen hồng,

有八十億微妙光明。以為瓔珞。其瓔珞中。

hữu bát thập ức vi diệu quang-minh. dĩ vi anh lạc. kỳ anh lạc trung。

có tám mươi ức ánh sáng vi diệu dùng làm chuỗi ngọc. Trong chuỗi ngọc ấy,

普現一切諸莊嚴事。手掌作五百億雜蓮華色。手十指端。

phổ hiện nhất thiết chư trang nghiêm sự. thủ chương tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc. thủ thập chi đoan。

hiện khắp để làm trang nghiêm tất cả sự việc. Lòng bàn tay làm bằng năm trăm ức hoa sen màu sắc hỗn hợp, mười ngón tay ngay thẳng đều đặn.

一一指端有八萬四千畫。猶如印文。

nhất nhất chi đoan hữu bát vạn tứ thiên họa. do như ấn văn。

Mỗi mỗi ngón tay thẳng có tám vạn bốn ngàn đường nét giống như ấn văn.

一一畫有八萬四千色。一一色有八萬四千光。

nhất nhất họa hữu bát vạn tứ thiên sắc. nhất nhất sắc hữu bát vạn tứ thiên quang。

Mỗi mỗi đường nét có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi mỗi màu sắc có tám vạn bốn ngàn tia sáng.

其光柔軟普照一切。以此寶手接引眾生。

kỳ quang nhu nhuyễn phổ chiếu nhất thiết. dĩ thử bảo thủ tiếp dẫn chúng sanh。

Tia sáng ấy mềm mại chiếu khắp mọi nơi, dùng cánh tay báu ấy để dắt dẫn chúng sanh.

舉足時。足下有千輻輪相。

cử túc thời. túc hạ hữu thiên phúc luân tướng。

Khi chân cất lên, dưới chân có tướng bánh xe ngàn căm

自然化成五百億光明臺。下足時。有金剛摩尼花。

tự nhiên hóa thành ngũ bách ức quang-minh đài. hạ túc thời. hữu Kim cương ma-ni hoa. tự nhiên thành năm trăm ức đài ánh sáng. Khi chân hạ xuống, có hoa Kim cương, hoa Ma-ni

布散一切莫不彌滿。其餘身相眾好具足。如佛無異。

bố tán nhất thiết mạc bất di mãn. kỳ dư thân tướng chúng hảo cụ túc. như Phật vô dị. trái đều tất cả không đâu không đầy khắp. Ngoài thân tướng ấy ra, các tướng tốt khác đều đầy đủ như Phật không khác.

唯頂上肉髻及無見頂相。不及世尊。

duy đỉnh thượng nhục kế cập vô kiến đỉnh tướng. bất cập Thế tôn.
Chỉ có tướng nhục kế trên đỉnh không ai thấy được là không bằng Thế Tôn.

是為觀觀世音菩薩真實色身想。名第十觀。

thị vi quán Quán Thế Âm Bồ-tát chân thật sắc thân tướng. danh đệ thập quán.
Ấy là quán tướng sắc thân chân thật của Bồ-tát Quán Thế Âm, gọi là phép quán thứ mười.

佛告阿難。

Phật cáo A-nan.

Phật bảo A-nan:

若欲觀觀世音菩薩當作是觀。作是觀者不遇諸禍。淨除業障。

nhược dục quán Quán Thế Âm Bồ-tát đương tác thị quán. tác thị quán giả bất ngộ chu
họa. tịnh trừ nghiệp chướng.

Nếu muốn quán Bồ-tát Quán Thế Âm phải nên làm phép quán như thế. Người làm quán như
vậy thì không gặp các tai họa, tịnh trừ được các nghiệp chướng,

除無數劫生死之罪。如此菩薩。

trừ vô số kiếp sanh tử chi tội. như thử Bồ Tát.

trừ được tội sanh tử trong vô số kiếp. Như Bồ-tát này,

但聞其名獲無量福。何況諦觀。若有欲觀觀世音菩薩者。

đãn văn kỳ danh hoạch vô lượng phúc. hà hưởng để quán. nhược hữu dục quán Quán Thế Âm
Bồ-tát giả.

chỉ nghe danh hiệu thôi đã được vô lượng phước, hưởng gì quán sát. Nếu người muốn
quán Bồ-tát Quán Thế Âm ấy,

當先觀頂上肉髻。次觀天冠。

đương tiên quán đỉnh thượng nhục kế. thứ quán Thiên quan.

trước phải quán nhục kế trên đỉnh đầu, thứ đến quán Thiên quan,

其餘眾相亦次第觀之。悉令明了如觀掌中。

kỳ dư chúng tướng diệc thứ đệ quán chi. tất lệnh minh liễu như quán chưởng trung.
các tướng khác cũng lần lượt quán tướng như vậy làm cho rõ ràng giống như xem lòng
bàn tay.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Người làm quán như vậy gọi là chánh quán, nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。次觀大勢至菩薩。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. thứ quán Đại thế chí Bồ Tát.

Phật bảo A-nan cùng Vi-đề-hy: Thứ đến là quán Bồ-tát Đại Thế Chí.

此菩薩身量大小亦如觀世音。

thử Bồ-tát thân lượng Đại tiểu diệc như Quán Thế Âm.

Bồ-tát này lượng thân lớn nhỏ cũng như Bồ-tát Quán Thế Âm.

圓光面各二百二十五由旬。照二百五十由旬。

Viên Quang diện các nhị bách nhị thập ngũ do-tuần. chiếu nhị bách ngũ thập do-tuần.
Ánh sáng tròn đầy mỗi mặt là hai trăm hai mươi lăm do tuần, chiếu đến hai trăm năm
mươi do tuần,

舉身光明照十方國。作紫金色。

cử thân quang-minh chiếu thập phương quốc. tác tử kim sắc.

cử thân ánh sáng chiếu khắp mười phương cõi nước, thân màu vàng tía,

有緣眾生皆悉得見。但見此菩薩一毛孔光。

hữu duyên chúng sanh giai tất đắc kiến. đãn kiến thử Bồ-tát nhất mao không quang.

chúng sanh có duyên đều được thấy. Chỉ thấy ánh sáng của một lỗ chân lông nơi Bồ-tát
này,

即見十方無量諸佛淨妙光明。是故號此菩薩名無邊光。

túc kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu quang-minh. thị cố hiệu thữ Bồ-tát danh vô biên quang.

liền thấy ánh sáng tịnh diệu của vô lượng chư Phật trong mười phương

以智慧光普照一切。

dĩ trí tuệ quang phổ chiếu nhất thiết.

dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả

令離三塗得無上力。是故號此菩薩名大勢至。

lệnh ly tam đồ đắc vô thượng lực. thị cố hiệu thữ Bồ-tát danh Đại thế chí.

khiến xa lìa Tam đồ, được lực Vô thượng. Vì vậy Bồ-tát này có danh hiệu là Đại Thế Chí.

此菩薩天冠有五百寶蓮華。一一寶華有五百寶臺。

thữ Bồ-tát Thiên quan hữu ngũ bách bảo liên hoa. nhất nhất bảo hoa hữu ngũ bách bảo đài.

Bồ-tát này, Thiên quan có năm trăm hoa sen báu. Mỗi mỗi hoa sen báu có năm trăm đài báu.

一一臺中。十方諸佛淨妙國土廣長之相。

nhất nhất đài trung. thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng.

Trong mỗi mỗi đài, có tướng rộng dài các cõi nước thanh tịnh đẹp đẽ của chư Phật trong mười phương

皆於中現。頂上肉髻如鉢頭摩花。

giai ư trung hiện. đỉnh thượng nhục kế như bát đầu ma hoa.

đều hiện ở trong đó. Nhục kế trên đỉnh đầu như hoa Bát-đầu-ma.

於肉髻上有一寶瓶。盛諸光明普現佛事。

ư nhục kế thượng hữu nhất bảo bình. thịnh chư quang-minh phổ hiện Phật sự.

Ở trên nhục kế có một bình báu, đựng đầy ánh sáng hiện đủ các Phật sự.

餘諸身相如觀世音等無有異。此菩薩行時。

du chư thân tướng như Quán Thế Âm đẳng vô hữu dị. thữ Bồ-tát thành thời.

Ngoài ra, các thân tướng khác đều như Quán Thế Âm không khác. Khi Bồ-tát này bước đi,十方世界一切震動。當地動處各有五百億寶花。

thập phương thế giới nhất thiết chấn động. đương địa động xứ các hữu ngũ bách ức bảo hoa.

tất cả mười phương thế giới đều chấn động. Chỗ đang chấn động đó, có năm trăm ức hoa báu.

一一寶花莊嚴高顯。如極樂世界。此菩薩坐時。

nhất nhất bảo hoa trang nghiêm cao hiển. như Cực-Lạc thế giới. thữ Bồ-tát tọa thời.

Mỗi mỗi hoa báu trang nghiêm cao hiển giống như thế giới Cực Lạc. Khi Bồ-tát này ngồi,

七寶國土一時動搖。從下方金光佛剎。

thất bảo quốc độ nhất thời động dao. tòng hạ phương kim quang Phật sát.

cõi nước bảy báu cùng lúc dao động: Từ cõi Phật Kim Quang phương dưới,

乃至上方光明王佛剎。

nãi chí thượng phương quang-minh Vương Phật sát.

lên đến cõi Phật Quang Minh Vương phương trên.

於其中間無量塵數分身無量壽佛分身觀世音大勢至。

ư kỳ trung gian vô lượng trần số phân thân Vô lượng thọ Phật phân thân Quán Thế Âm Đại thế chí.

Ở khoảng giữa ấy là phân thân của Phật Vô Lượng Thọ, phân thân Bồ-tát Quán Âm và phân thân Đại Thế Chí nhiều vô lượng số như vi trần

皆悉雲集極樂國土。側塞空中坐蓮華座。

giai tất vân tập Cực-Lạc quốc độ. trắc tắc không trung tọa liên hoa tọa.

thầy đều vân tập ở cõi nước Cực Lạc, ngồi trên hoa sen đầy chật không trung,
演說妙法度苦眾生。作此觀者。

diễn thuyết diệu Pháp độ khổ chúng sanh. tác thủ quán giả.
diễn thuyết diệu pháp độ khổ chúng sanh. Làm quán như vậy

名為觀見大勢至菩薩。是為觀大勢至色身相。

danh vi quán kiến Đại thế chí Bồ Tát. thị vi quán Đại thế chí sắc thân tướng.
gọi là quán thấy Bồ-tát Đại Thế Chí. Đó là quán tướng sắc thân của Đại Thế Chí.
觀此菩薩者名第十一觀。

quán thủ Bồ-tátgiả danh đệ thập nhất quán.

Quán Bồ-tát như vậy gọi là phép quán thứ mười một,

除無數劫阿僧祇生死之罪。作是觀者不處胞胎。

trừ vô số kiếp a tăng kì sanh tử chi tội. tác thị quán giả bất xử bào thai.

trừ được tội sanh tử trong vô số A-tăng-kỳ kiếp. Người làm quán này, không ở trong
thai mẹ,

常遊諸佛淨妙國土。此觀成已。

thường du chư Phật tịnh diệu quốc độ. thủ quán thành dĩ.

thường vân du đến các cõi nước tịnh diệu của chư Phật. Quán như vậy thành công,

名為具足觀觀世音及大勢至。作是觀者名為正觀。

danh vi cụ túc quán Quán Thế Âm cập Đại thế chí. tác thị quán giả danh vi chánh
quán.

gọi là cụ túc quán Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Người làm quán như vậy gọi là
chánh quán,

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希。

nhược tha quán giả danh vi tà quán. Phật cáo A-nancập Vi-đề-hy.

nếu có quán khác gọi là tà quán. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

見此事時當起想作心自見生於西方極樂世界。

kiến thủ sự thời đương khởi tưởng tác tâm tự kiến sanh ư Tây phương Cực-Lạc thế
giới.

Lúc làm việc này, tâm cũng đồng thời tưởng thấy mình đang sanh về thế giới Tây phương
Cực Lạc,

於蓮華中結跏趺坐。作蓮華合想。作蓮華開想。

ư liên hoa trung kết già phu tọa. tác liên hoa hợp tưởng. tác liên hoa khai tưởng.

ngồi kiết già trong hoa sen, tưởng hoa sen khép lại, tưởng hoa sen nở ra,

蓮華開時。有五百色光來照身想。

liên hoa khai thời. hữu ngũ bách sắc quang lai chiếu thân tưởng.

tưởng lúc hoa sen nở ra, có năm trăm sắc sáng chiếu đến thân mình,

眼目開想。見佛菩薩滿虛空中。

nhãn mục khai tưởng. kiến Phật Bồ-tátmãn hư không trung.

tưởng mở mắt ra, thấy Phật Bồ-tát đầy chật trong hư không;

水鳥樹林及與諸佛。所出音聲皆演妙法。與十二部經合。

thủy điều thụ lâm cập dĩ chư Phật. sở xuất âm thanh giai diễn diệu Pháp. dĩ thập nhị
bộ Kinh hợp.

nước, chim, rừng cây cùng chư Phật phát ra âm thanh đều diễn thuyết diệu pháp, hợp
lại thành mười hai bộ kinh;

若出定時憶持不失。見此事已。

nhược xuất định thời ức trì bất thất. kiến thủ sự dĩ.

cho đến lúc xuất định vẫn còn nhớ không quên mất. Thấy việc này xong

名見無量壽佛極樂世界。是為普觀想。名第十二觀。

danh kiến Vô lượng thọ Phật Cực-Lạc thế giới. thị vi phổ quán tưởng. danh đệ thập nhị
quán.

gọi là thấy Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực Lạc. Đó gọi là Phổ quán tướng, là phép quán thứ mười hai.

無量壽佛化身無數。與觀世音及大勢至。

Vô lượng thọ Phật hóa thân vô số. dữ Quán Thế Âm cập Đại thế chí.

Vô số hóa thân Phật Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí

常來至此行人之所。作是觀者名為正觀。

thường lai chí thử hành nhân chi sở. tác thị quán giả danh vi chánh quán.

thường đi đến chỗ người làm quán này. Người làm quán như vậy gọi là chánh quán, nếu khác quán giả danh vi tà quán.

nhược tha quán giả danh vi tà quán.

nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。若欲至心生西方者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. nhược dục chí tâm sanh Tây phương giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Nếu muốn chí tâm sanh đến cõi Tây phương ấy

先當觀於一丈六像在池水上。如先所說。

tiên đương quán u nhất trượng lục tượng tại trì thủy thượng. như tiên sở thuyết.

trước tiên phải quán tượng cao một trượng sáu đứng trên ao nước như trước đã nói,

無量壽佛身量無邊。非是凡夫心力所及。

Vô lượng thọ Phật thân lượng vô biên. phi thị phàm phu tâm lực sở cập.

Phật Vô Lượng Thọ thân lớn vô lượng vô biên, tâm lực của phàm phu không thể sánh bì.

然彼如來宿願力故。有憶想者必得成就

nhĩn bỉ như lai túc nguyện lực cố. hữu ức tưởng giả tất đắc thành tựu.

Nhưng nhờ nguyện lực xưa của Như Lai kia, người có nhớ tưởng đến thì ắt được thành tựu.

但想佛像得無量福。況復觀佛具足身相。

đãn tưởng Phật tượng đắc vô lượng phúc. huống phục quán Phật cụ túc thân tướng.

Chỉ có tưởng hình tượng Phật mà được vô lượng phúc, hưởng gì quán đầy đủ thân tướng Phật.

阿彌陀佛神通如意。於十方國變現自在。

A-di-đà Phật Thần thông như ý. u thập phương quốc biến hiện tự-tại.

Phật A-di-đà thần thông như ý, biến hiện tự tại trong mười phương:

或現大身滿虛空中。或現小身丈六八尺。

hoặc hiện Đại thân mãn hư không trung. hoặc hiện tiểu thân trượng lục bát xích.

Hoặc hiện thân lớn đầy khắp trong hư không, hoặc hiện thân nhỏ một trượng sáu tám thước.

所現之形皆真金色。圓光化佛及寶蓮花。

sở hiện chi hình giai chân kim sắc. Viên Quang hóa Phật cập bảo liên hoa.

Thân hình biến hiện đó đều màu vàng ròng. Ánh sáng tròn, hóa Phật cùng hoa sen báu

如上所說。觀世音菩薩及大勢至。

như thượng sở thuyết. Quán Thế Âm Bồ-tát cập Đại thế chí.

đều như đã nói ở trước. Bồ-tát Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí,

於一切處身同。眾生但觀首相。知是觀世音。

u nhất thiết xứ thân đồng. chúng sanh đãn quán thủ tướng. tri thị Quán Thế Âm.

ở tất cả nơi chỗ thân đều đồng nhau. Chúng sanh chỉ quán tướng đầu tiên là biết đó là Quán Thế Âm,

知是大勢至。此二菩薩助阿彌陀佛。普化一切。

tri thị Đại thế chí. thử nhị Bồ-tát trợ A-di-đà Phật. phổ hóa nhất thiết.

biết đó là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ-tát này luôn trợ giáo cho Phật A-di-đà hóa độ khắp tất cả.

是為雜想觀。名第十三觀。

thị vi tạp tướng quán, danh đệ thập tam quán.

Đây gọi là Tạp tướng quán, gọi là phép quán thứ mười ba.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán, nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Người làm quán này gọi là chánh quán, nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難。及韋提希。

Phật cáo A-nan, cập Vi-đề-hy.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

凡生西方有九品人。上品上生者。若有眾生願生彼國者。

phàm sanh Tây phương hữu cửu phẩm nhân. thượng phẩm thượng sanh giả, nhược hữu chúng sanh nguyện sanh bỉ quốc giả.

Phàm sanh về Tây phương có chín phẩm bậc: Thượng phẩm thượng sanh: Nếu có chúng sanh nguyện sanh về thế giới Cực Lạc kia,

發三種心即便往生。何等為三。

phát tam chủng tâm tức tiện vãng sanh, hà đẳng vi tam,

phát ba thứ tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba?

一者至誠心。二者深心。三者迴向發願心。

nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm.

1. Tâm chí thành, 2. Thâm tâm, 3. Tâm phát nguyện hồi hướng.

具三心者必生彼國。復有三種眾生。當得往生。

cụ tam tâm giả tất sanh bỉ quốc, phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc vãng sanh.

Đây đủ ba tâm ấy quyết được sanh về cõi nước kia. Lại có ba hạng chúng sanh sẽ được vãng sanh.

何等為三。一者慈心不殺具諸戒行。

hà đẳng vi tam, nhất giả từ tâm bất sát cụ chư giới hạnh.

Những gì là ba? 1. Có tâm từ bi không sát hại, đầy đủ các giới hạnh.

二者讀誦大乘方等經典。

nhị giả đọc tụng Đại thừa phương đẳng Kinh điển.

2. Đọc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại thừa.

三者修行六念迴向發願生彼佛國。具此功德。一日乃至七日。

tam giả tu hành lục niệm hồi hướng phát nguyện sanh bỉ Phật quốc, cụ thủ công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật.

3. Tu hành sáu niệm phát nguyện hồi hướng sanh về cõi nước Phật kia. Đây đủ công đức này, từ một ngày cho đến bảy ngày

即得往生。生彼國時。此人精進勇猛故。

tức đắc vãng sanh, sanh bỉ quốc thời, thủ nhân tinh tấn dũng mãnh cố.

liền được vãng sanh. Lúc được sanh về nước kia, người này nhờ dũng mãnh tinh tấn

阿彌陀如來與觀世音及大勢至無數化佛百千比

A-di-đà Như-Lai dữ Quán Thế Âm cập Đại thế chí vô số hóa Phật bách thiên bi

nên được A-di-đà Như Lai, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn Tỳ-kheo,

丘聲聞大眾無量諸天。七寶宮殿。

khâu thanh văn Đại chúng vô lượng chư Thiên, thất bảo cung điện.

đại chúng Thanh văn, vô lượng chư Thiên, cung điện bảy báu,

觀世音菩薩執金剛臺。與大勢至菩薩至行者前。

Quán Thế Âm Bồ-tát chấp Kim cương đài, dữ Đại thế chí Bồ-tát chí hành giả tiền.

Bồ-tát Quán Thế Âm cầm Kim Cang đài cùng Bồ-tát Đại Thế Chí, đến trước người đó.

阿彌陀佛放大光明照行者身。

A-di-đà Phật phóng Đại quang-minh chiếu hành giả thân.

Phật A-di-đà phóng ánh sáng lớn chiếu đến thân người đó,
 與諸菩薩授手迎接。觀世音大勢至與無數菩薩。
 dữ chư Bồ-tát thụ thủ nghênh tiếp. Quán Thế Âm Đại thế chí dữ vô số Bồ Tát.
 cùng các vị Bồ-tát đưa tay đón tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng vô số chư vị Bồ-
 tát
 讚歎行者勸進其心。行者見已歡喜踊躍。
 tán tán hành giả khuyến tiến kỳ tâm. hành giả kiến dĩ hoan hi dũng dục.
 tán tán và khuyến khích hành giả tâm càng tinh tiến thêm lên. Hành giả thấy như vậy
 xong, vui mừng hơn hờ,
 自見其身乘金剛臺。隨從佛後。
 tự kiến kỳ thân thừa Kim cương đài. tùy tông Phật hậu.
 tự thấy thân mình ngồi trên đài Kim Cang, theo sau đức Phật,
 如彈指頃往生彼國。生彼國已。見佛色身眾相具足。
 như đạn chỉ khoảnh vãng sanh bỉ quốc. sanh bỉ quốc dĩ. kiến Phật sắc thân chúng tướng
 cụ túc.
 như trong khoảnh khắc gãy móng tay, liền vãng sanh về nước kia. Khi sanh về nước kia
 xong, thấy đức Phật kia sắc thân đầy đủ các tướng,
 見諸菩薩色相具足。光明寶林演說妙法。
 kiến chư Bồ-tát sắc tướng cụ túc. quang-minh bảo lâm diễn thuyết diệu Pháp.
 thấy các vị Bồ-tát đầy đủ sắc tướng, ánh sáng cây báu diễn thuyết diệu pháp,
 聞已即悟無生法忍。經須臾間歷事諸佛。
 văn dĩ tức ngộ vô sanh Pháp nhẫn. Kinh tu du gian lịch sự chư Phật.
 nghe xong liền ngộ Vô sanh Pháp nhẫn, trong chốc lát đã biến khắp mười phương, hầu hạ
 chư Phật,
 遍十方界。於諸佛前次第受記。還至本國。
 biến thập phương giới. ư chư Phật tiền thứ đệ thọ kí. hoàn chí bản quốc.
 lần lượt ở trước chư Phật mà được thọ ký, rồi trở về bản quốc,
 得無量百千陀羅尼門。是名上品上生者。
 đắc vô lượng bách thiên Đà-La-Ni môn. thị danh thượng phẩm thượng sanh giả.
 được vô lượng trăm ngàn Đà-la-ni môn. Đó gọi là hạng Thượng phẩm thượng sanh.
 上品中生者。不必受持讀誦方等經典。
 thượng phẩm trung sanh giả. bất tất thọ trì độc tụng phương đẳng Kinh điển.
 Hạng Thượng phẩm trung sanh: Không cần thọ trì đọc tụng kinh điển
 Phương Đẳng mà
 善解義趣。於第一義心不驚動。
 thiện giải nghĩa thú. ư đệ nhất nghĩa tâm bất kinh động.
 khéo giải nghĩa thú, đối với Đệ nhất nghĩa, tâm không kinh sợ,
 深信因果不謗大乘。以此功德。迴向願求生極樂國。
 thâm tín nhân quả bất bàng Đại thừa. dĩ thử công đức. hồi hướng nguyện cầu sanh Cực-
 Lạc quốc.
 tin sâu nhân quả, không hủy báng Đại thừa, đem công đức này hồi hướng nguyện cầu sanh
 về nước Cực Lạc.
 行此行者命欲終時。
 hành thử hành giả mạng dục chung thời
 Hành xử như vị hành giả này, lúc sắp mạng chung,
 阿彌陀佛與觀世音及大勢至。無量大眾眷屬圍繞。
 A-di-đà Phật dữ Quán Thế Âm cập Đại thế chí. vô lượng Đại chúng quyến thuộc vi
 nhiễu.
 Phật A-di-đà, Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyến thuộc vây quanh,
 持紫金臺至行者前讚言。法子。汝行大乘解第一義。

trì từ kim đài chí hành giả tiên tán ngôn. Pháp tử, nữ hành Đại thừa giải đệ nhất nghĩa.

cầm đài vàng tía đến trước hành giả mà tán thán rằng: Nay Pháp tử! Ông hành pháp Đại thừa và giải Đệ nhất nghĩa.

是故我今來迎接汝。與千化佛一時授手。

thị cố ngã kim lai nghênh tiếp nữ. dĩ thiên hóa Phật nhất thời thụ thủ.

Vì vậy, nay Ta đến để nghênh tiếp ông và ngàn vị hóa Phật cùng lúc đưa tay tiếp thọ.

行者自見坐紫金臺。合掌叉手讚歎諸佛。

hành giả tự kiến tọa từ kim đài. hợp chưởng xoa thủ tán thán chư Phật.

Hành giả thấy mình ngồi trên đài vàng tía, quỳ gối chấp tay tán thán chư Phật.

如一念頃。即生彼國七寶池中。

như nhất niệm khoảnh. tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung.

Như trong một niệm thoáng qua, liền sanh ở trong ao bảy báu nơi cõi nước kia.

此紫金臺如大寶花。經宿即開。行者身作紫磨金色。

thử từ kim đài như Đại bảo hoa. Kinh tú tức khai. hành giả thân tác tử ma kim sắc.

Kim đài sắc tía ấy giống như hoa báu lớn, qua đêm liền nở, thân hành giả bằng sắc vàng tía,

足下亦有七寶蓮華。佛及菩薩俱放光明。

túc hạ diệc hữu thất bảo liên hoa. Phật cập Bồ-tát câu phóng quang-minh.

dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ-tát đều phóng ánh sáng

照行者身目即開明。因前宿習普聞眾聲。

chiếu hành giả thân mục tức khai minh. nhân tiền tú tập phổ văn chúng thanh.

chiếu đến thân hành giả, mắt liền mở sáng. Nhân đời trước nghe khắp các thứ tiếng

純說甚深第一義諦。

thuần thuyết thậm thâm đệ nhất nghĩa đế.

toàn nói về sự sâu dày của Đệ nhất nghĩa đế nên

即下金臺禮佛合掌讚歎世尊。經於七日。

tức hạ kim đài lễ Phật hợp chưởng tán thán Thế tôn. Kinh ư thất nhật.

bước xuống kim đài vàng lễ Phật, chấp tay tán thán Thế Tôn, trải qua bảy ngày

應時即於阿耨多羅三藐三菩提。得不退轉。應時即能飛至十方。

ứng thời tức ư a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề. đắc bất thối chuyển. ứng thời tức năng

phi chí thập phương.

liền ở ngôi vị A-nậu-đa-la Tam-miếu tam Bồ-đề, được Bất thối chuyển, liền có thể bay

đến mười phương

歷事諸佛。於諸佛所修諸三昧。

lịch sự chư Phật. ư chư Phật sở tu chư tam muội.

hầu hạ chư Phật, ở chỗ chư Phật mà tu các Tam muội,

經一小劫得無生法忍現前受記。

Kinh nhất tiểu kiếp đắc vô sanh Pháp nhẫn hiện tiền thọ kí.

trải qua một Tiểu kiếp được Vô sanh pháp nhẫn, được Phật hiện tiền thọ ký.

是名上品中生者。上品下生者。亦信因果不謗大乘。

thị danh thượng phẩm trung sanh giả. thượng phẩm hạ sanh giả. diệc tín nhân quả bất

báng Đại thừa.

Đó gọi là Thượng phẩm trung sanh. Thượng phẩm hạ sanh: Cũng tin nhân quả, không huỷ

báng Đại thừa,

但發無上道心。以此功德。迴向願求生極樂國。

đãn phát vô thượng Đạo tâm. dĩ thử công đức. hồi hướng nguyện cầu sanh Cực-Lạc quốc.

chỉ phát tâm Vô thượng đạo, đem công đức này hồi hướng nguyện cầu sanh về nước Cực Lạc.

彼行者命欲終時。

bỉ hành giả mạng dục chung thời。

Hành giả kia lúc sắp mạng chung,

阿彌陀佛及觀世音并大勢至。與諸眷屬持金蓮華。

A-di-đà Phật cập Quán Thế Âm tinh Đại thế chí. dữ chư quyến thuộc trì kim liên hoa。

Phật A-di-đà, Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí và các quyến thuộc cầm hoa sen vàng,

化作五百化佛來迎此人。五百化佛一時授手。讚言。

hóa tác ngũ bách hóa Phật lai nghênh thử nhân. ngũ bách hóa Phật nhất thời thụ
thủ. tán ngôn。

hóa ra năm trăm hóa Phật đến nghênh đón người ấy. Năm trăm hóa Phật đồng lúc đưa tay
tiếp mà tán thán rằng:

法子。汝今清淨發無上道心。我來迎汝。

Pháp tử. nữ kim thanh tịnh phát vô thượng Đạo tâm. ngã lai nghênh nữ.

Này Pháp tử! Ông nay thanh tịnh phát tâm Vô thượng đạo, Ta đến tiếp ông.

見此事時。即自見身坐金蓮花。坐已華合。

kiến thử sự thời. tức tự kiến thân tọa kim liên hoa. tọa dĩ hoa hợp。

Lúc thấy việc này, liền thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong hoa khép kín
lại,

隨世尊後即得往生七寶池中。

tùy Thế tôn hậu tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung。

theo sau Thế Tôn, liền được vãng sanh trong ao bảy báu.

一日一夜蓮花乃開。七日之中乃得見佛。

nhất nhật nhất dạ liên hoa nãi khai. thất nhật chi trung nãi đắc kiến Phật。

Một ngày một đêm hoa sen mới nở, ở trong hoa sen bảy ngày mới được thấy Phật.

雖見佛身於眾相好心不明了。於三七日後乃了了見。

tuy kiến Phật thân ư chúng tướng hảo tâm bất minh liễu. ư tam thất nhật hậu nãi liễu
liễu kiến。

Tuy thấy thân Phật, nhưng đối với các tướng tốt, tâm chưa thấy rõ ràng, sau ba mươi
bảy ngày mới thấy rõ ràng,

聞眾音聲皆演妙法。遊歷十方供養諸佛。

văn chúng âm thanh giai diễn diệu Pháp. du lịch thập phương cung dưỡng chư Phật。

nghe các âm thanh đều diễn thuyết diệu pháp, dạo qua mười phương cúng dường chư Phật,
於諸佛前聞甚深法。

ư chư Phật tiền văn thậm thâm Pháp。

ở trước chư Phật mà nghe pháp thậm thâm,

經三小劫得百法明門。住歡喜地。是名上品下生者。

Kinh tam tiểu kiếp đắc bách Pháp minh môn. trụ hoan hỷ địa. thị danh thượng phẩm hạ
sanh giả。

qua ba Tiểu kiếp được Bách pháp minh môn, ở địa Hoan Hỷ. Đó gọi là Thượng phẩm hạ
sanh,

是名上輩生想。名第十四觀。作是觀者名為正觀。

thị danh thượng bối sanh tưởng. danh đệ thập tứ quán. tác thị quán giả danh vi chánh
quán。

gọi là Thượng bối sanh tưởng, là phép quán thứ mười bốn. Người làm quán này gọi là
chánh quán,

若他觀者名為邪觀。

nhược tha quán giả danh vi tà quán。

nếu có quán khác gọi là tà quán.

佛告阿難及韋提希。中品上生者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. trung phẩm thượng sanh giả.
Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Hạng Trung phẩm thượng sanh:

若有眾生受持五戒。持八戒齋。修行諸戒。

nhược hữu chúng sanh thọ trì ngũ giới. trì bát giới trai. tu hành chu giới.

Nếu có chúng sanh thọ trì năm giới, thọ trì Bát quan trai giới, tu hành hành các giới,

不造五逆。無眾過惡。以此善根。

bất tạo ngũ nghịch. vô chúng quá ác. dĩ thử thiện căn.

không tạo tội ngũ nghịch, không có các tội ác, đem căn lành này

迴向願求生於西方極樂世界。行者臨命終時。

hồi hướng nguyện cầu sanh ở Tây phương Cực-Lạc thế giới. hành giả lâm mạng chung thời.

hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Hành giả này lúc sắp mạng chung,

阿彌陀佛與諸比丘眷屬圍繞。

A-di-đà Phật dữ chư Tỳ-kheo quyền thuộc vi nhiếu.

Phật A-di-đà cùng các Tỳ-kheo quyền thuộc vây quanh,

放金色光至其所。演說苦空無常無我。

phóng kim sắc quang chí kỳ nhân sở. diễn thuyết khổ không vô thường vô ngã.

phóng ánh sáng sắc vàng đến chỗ người đó, diễn thuyết pháp khổ, không, vô thường, vô ngã,

讚歎出家得離眾苦。行者見已心大歡喜。

tán tán xuất gia đắc ly chúng khổ. hành giả kiến dĩ tâm Đại hoan hỷ.

tán tán xuất gia được lìa các khổ. Hành giả thấy vậy xong, tâm rất hoan hỷ;

自見己身坐蓮花臺。長跪合掌為佛作禮。

tự kiến kỳ thân tọa liên hoa đài. trường quy hợp chưởng vi Phật tác lễ.

thấy thân mình ngồi trên đài hoa sen xong, quỳ gối chấp tay lễ Phật,

未舉頭頃即得往生極樂世界。蓮花尋開。當華敷時。

vị cử đầu khoảnh tức đắc vãng sanh Cực-Lạc thế giới. liên hoa tầm khai. đương hoa phu thời.

chưa ngẩng đầu lên, chốc lát liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, đoạn hoa sen nở ra, đương lúc hoa nở,

聞眾音聲讚歎四諦。應時即得阿羅漢道。

văn chúng âm thanh tán tán tứ đế. ứng thời tức đắc A La Hán đạo.

nghe các âm thanh tán tán pháp Tứ đế, lúc đó được đạo A-la-hán,

三明六通具八解脫。是名中品上生者。

tam minh lục thông cụ bát giải thoát. thị danh trung phẩm thượng sanh giả.

đủ ba minh, sáu thông, tám giải thoát. Đó gọi là hạng Trung phẩm thượng sanh.

中品中生者。若有眾生。若一日一夜持八戒齋。

trung phẩm trung sanh giả. nhược hữu chúng sanh. nhược nhất nhật nhất dạ trì bát giới trai.

Hạng Trung phẩm trung sanh: Nếu có chúng sanh, hoặc một ngày một đêm thọ trì Bát quan trai giới,

若一日一夜持沙彌戒。若一日一夜持具足戒。

nhược nhất nhật nhất dạ trì sa di giới. nhược nhất nhật nhất dạ trì cụ túc giới.

hoặc một ngày một đêm thọ trì Sa Di giới, hoặc một ngày một đêm thọ trì đầy đủ giới,

威儀無缺。以此功德。迴向願求生極樂國。

uy nghi vô khuyết. dĩ thử công đức. hồi hướng nguyện cầu sanh Cực-Lạc quốc.

oai nghi không thiếu khuyết, đem công đức này hồi hướng nguyện cầu sanh về nước Cực Lạc,

戒香薰修。如此行者命欲終時。

giới hương huân tu. như thử hành giả mạng dục chung thời.

huân tu hương giới. Như hành giả ấy lúc sắp mạng chung,

見阿彌陀佛與諸眷屬放金色光。

kiến A-di-đà Phật dữ chư quyến thuộc phóng kim sắc quang.

thấy Phật A-di-đà cùng các quyến thuộc, phóng hào quang sắc vàng,

持七寶蓮花至行者前。行者自聞空中有聲。讚言。善男子。

trì thất bảo liên hoa chí hành giả tiền. hành giả tự văn không trung hữu thanh. tán
ngôn. thiện nam tử.

cầm hoa sen bảy báu đến trước hành giả. Hành giả tự nghe trong không trung có tiếng
khen ngợi rằng: Nay thiện nam tử!

如汝善人。隨順三世諸佛教故。我來迎汝。

như nữ thiện nhân. tùy thuận tam thế chư Phật giáo cổ. ngã lai nghênh nữ.

Như ông là người thiện, thuận theo giáo lý của ba đời chư Phật nên Ta đến đón ông.

行者自見坐蓮花上。蓮花即合。

hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng. liên hoa tức hợp.

Hành giả liền thấy mình ngồi trên hoa sen, hoa sen khép lại,

生於西方極樂世界。在寶池中。經於七日蓮花乃敷。

sinh u Tây phương Cực-Lạc thế giới. tại bảo trì trung. Kinh u thất nhật liên hoa nãi
phu.

liên sanh trong ao báu, ở thế giới Tây phương Cực Lạc, qua bảy ngày hoa sen mới nở
ra.

花既敷已。開目合掌讚歎世尊。

hoa ký phu dĩ. khai mục hợp chưởng tán tán Thế tôn.

Hoa nở xong, mở mắt ra, chấp tay tán tán Thế Tôn,

聞法歡喜得須陀洹。經半劫已成阿羅漢。

văn Pháp hoan hỷ đắc Tu đà hoàn. Kinh bán kiếp dĩ thành A La Hán.

nghe pháp hoan hỷ, được quả Tu-đà-hoàn. Trải qua nửa kiếp thành A-la-hán.

是名中品中生者。中品下生者。若有善男子善女人。

thị danh trung phẩm trung sanh giả. trung phẩm hạ sanh giả. nhược hữu thiện nam tử
Thiện Nữ Nhân.

Đó gọi là Trung phẩm trung sanh. Hạng Trung phẩm hạ sanh: Nếu có thiện nam tử, thiện
nữ nhân

孝養父母行世仁義。此人命欲終時遇善知識。

hiếu dưỡng phụ mẫu hành thế nhân nghĩa. thử nhân mạng dục chung thời ngộ thiện tri
thức.

hiếu dưỡng cha mẹ, làm nhiều việc nhân nghĩa ở đời. Người này lúc sắp mạng chung gặp
thiện tri thức,

為其廣說阿彌陀佛國土樂事。

vi kỳ quảng thuyết A-di-đà Phật quốc độ lạc sự.

rộng vì người này mà nói những việc vui sướng ở cõi nước Phật A-di-đà,

亦說法藏比丘四十八大願。聞此事已尋即命終。

diệc thuyết Pháp tạng Tỳ-kheotú thập bát Đại nguyện. văn thử sự dĩ tầm tức mạng
chung.

cũng nói bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng, nghe việc này xong liền mạng
chung.

譬如壯士屈伸臂頃。即生西方極樂世界。

thí như tráng sĩ khuất thân tứ khoảnh. tức sanh Tây phương Cực-Lạc thế giới.

Thí như tráng sĩ trong khoảnh khắc duỗi cánh tay, liền sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc,

生經七日遇觀世音及大勢至。

sanh Kinh thất nhật ngộ Quán Thế Âm cập Đại thế chí。

sanh qua bảy ngày gặp Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí,

聞法歡喜得須陀洹。過一小劫成阿羅漢。

văn Pháp hoan hỷ đắc Tu đà hoàn. quá nhất tiểu kiếp thành A La Hán。

nghe pháp hoan hỷ đắc quả Tu-đà-hoàn, qua một Tiểu kiếp thành A-la-hán.

是名中品下生者。是名中輩生想。名第十五觀。

thị danh trung phẩm hạ sanh giả. thị danh trung bối sanh tưởng. danh đệ thập ngũ quán。

Đó gọi là Trung phẩm hạ sanh, gọi là Trung bối sanh tưởng, là phép quán thứ mười lăm.

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

tác thị quán giả danh vi chánh quán. nhược tha quán giả danh vi tà quán。

Người làm quán này gọi là chánh quán, nếu có quán khác gọi là tà quán。

佛告阿難及韋提希。下品上生者。

Phật cáo A-nancập Vi-đề-hy. hạ phẩm thượng sanh giả。

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Hạ phẩm thượng sanh:

或有眾生作眾惡業。雖不誹謗方等經典。

hoặc hữu chúng sanh tác chúng ác nghiệp. tuy bất phi báng phương đẳng Kinh điển。

Nếu có chúng sanh làm các nghiệp ác, tuy không phi báng kinh điển

Phương Đẳng,

如此愚人。多造惡法無有慚愧。

như thù ngu nhân. đa tạo ác Pháp vô hữu tâm quý。

như người này ngu si tạo nhiều ác pháp không có tâm quý,

命欲終時遇善知識。為讚大乘十二部經首題名字。

mạng dục chung thời ngộ thiện tri thức. vi tán Đại thừa thập nhị bộ Kinh thủ đề danh tự。

lúc sắp mạng chung, gặp thiện tri thức, vì người này mà tán thán Đại thừa cùng danh tự và đầu đề của mười hai bộ kinh,

以聞如是諸經名故。除却千劫極重惡業。

dĩ văn như thị chư Kinh danh cố. trừ khước thiên kiếp cực trọng ác nghiệp。

do nghe các tên kinh như vậy mà trừ được cực trọng nghiệp ác trong ngàn kiếp.

智者復教合掌叉手。稱南無阿彌陀佛。

trí giả phục giáo hợp chương xoa thủ. xưng Nam Mô A-di-đà Phật。

Trí giả ấy lại dạy quỳ gối chấp tay niệm Nam Mô A-di-đà Phật.

稱佛名故。除五十億劫生死之罪。爾時彼佛。

xưng Phật danh cố. trừ ngũ thập ức kiếp sanh tử chi tội. nhĩ thời bỉ Phật。

Nhờ niệm danh hiệu Phật mà trừ được tội sanh tử trong năm mươi ức kiếp. Lúc đó, đức Phật kia

即遣化佛化觀世音化大勢至。至行者前。

tức khiển hóa Phật hóa Quán Thế Âm hóa Đại thế chí. chí hành giả tiền。

bảo các hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí đến trước hành giả mà

讚言善哉善男子。汝稱佛名故諸罪消滅。

tán ngôn thiện tai thiện nam tử. nữ xưng Phật danh cố chư tội tiêu diệt。

tán thán rằng: Hay thay thiện nam tử! Ông nhờ xưng niệm danh hiệu Phật mà các tội tiêu diệt.

我來迎汝。作是語已。

ngã lai nghênh nữ. tác thị ngữ dĩ。

Ta đến đón ông. Nói lời này xong,

行者即見化佛光明遍滿其室。見已歡喜即便命終。乘寶蓮花。
hành giả tức kiến hóa Phật quang-minh biến mãn kỳ thất. kiến dĩ hoan hỷ tức tiệp mạng
chung. thừa bảo liên hoa.
hành giả liền thấy ánh sáng nơi hóa Phật biến khắp gian nhà, thấy vậy xong hoan hỷ mà
liền mạng chung, cỡi trên hoa sen báu,
隨化佛後生寶池中。經七七日蓮花乃敷。
tùy hóa Phật hậu sanh bảo trì trung. Kinh thất thất nhật liên hoa nãi phu.
theo sau Phật, sanh trong ao báu, qua bảy ngày hoa sen mới nở ra.
當花敷時。大悲觀世音菩薩。及大勢至菩薩。
đương hoa phu thời. Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát. cập Đại thế chí Bồ Tát.
Đương lúc hoa nở, đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát cùng Đại Thế Chí Bồ-tát
放大光明住其人前。為說甚深十二部經。
phóng Đại quang-minh trụ kỳ nhân tiền. vi thuyết thậm thâm thập nhị bộ Kinh.
đứng trước mặt người ấy mà phóng ánh sáng lớn, vì đó nói thâm nghĩa của mười hai bộ
kinh,
聞已信解發無上道心。經十小劫。具百法明門。
văn dĩ tín giải phát vô thượng Đạo tâm. Kinh thập tiểu kiếp. cụ bách Pháp minh môn.
nghe xong tin hiểu, phát tâm Vô thượng đạo, qua mười Tiểu kiếp, đủ Bách pháp minh
môn,
得入初地。是名下品上生者。
đắc nhập sơ địa. thị danh hạ phẩm thượng sanh giả.
được nhập Sơ địa. Đó gọi là hạng Hạ phẩm thượng sanh,
得聞佛名法名及聞僧名。聞三寶名即得往生。
đắc văn Phật danh Pháp danh cập văn tăng danh. văn Tam Bảo danh tức đắc vãng sanh.
được nghe tên Phật, tên Pháp cùng nghe tên Tăng; nghe danh hiệu Tam bảo liền được
vãng sanh.
佛告阿難及韋提希。下品中生者。或有眾生。
Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. hạ phẩm trung sanh giả. hoặc hữu chúng sanh.
Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Hạng Hạ phẩm trung sanh: Nếu có chúng sanh
毀犯五戒八戒及具足戒。如此愚人。
hủy phạm ngũ giới bát giới cập cụ túc giới. như thử ngu nhân.
hủy phạm năm giới, Bát quan trai giới cùng các giới khác. Như người này ngu si
偷僧祇物盜現前僧物。不淨說法無有慚愧。
thâu tăng kì vật đạo hiện tiền tăng vật. bất tịnh thuyết Pháp vô hữu tàm quý.
trộm áo cà sa và vật của hiện tiền Tăng, thuyết pháp bất tịnh không có hổ thẹn,
以諸惡法而自莊嚴。如此罪人。
dĩ chư ác Pháp nhi tự trang nghiêm. như thử tội nhân.
dùng các ác pháp mà tự trang nghiêm. Như người tội này,
以惡業故應墮地獄。命欲終時。地獄眾火一時俱至。
dĩ ác nghiệp cố ứng đọa Địa-ngục. mạng dục chung thời. Địa-ngục chúng hỏa nhất thời
câu chí.
do ác nghiệp nên phải đọa địa ngục, lúc sắp mạng chung, lửa lớn nơi các địa ngục đồng
thời cùng đến,
遇善知識以大慈悲。
ngộ thiện tri thức dĩ Đại từ bi.
gặp thiện tri thức dùng đại từ tâm,
即為讚說阿彌陀佛十力威德。廣讚彼佛光明神力。
tức vi tán thuyết A-di-đà Phật thập lực uy đức. quảng tán bi Phật quang-minh Thần
lực.

liền vì đó mà tán thán oai đức mười lục của Phật A-di-đà, rộng khen thần lực ánh sáng của đức Phật kia,

亦讚戒定慧解脫解脫知見。

diệc tán giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến.

cũng ngợi khen giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

此人聞已除八十億劫生死之罪。地獄猛火化為涼風。吹諸天華。

thử nhân văn dĩ trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Địa-ngục mãnh hỏa hóa vi lương phong. xuy chu Thiên hoa.

Người đó nghe xong, trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Địa ngục mãnh hỏa hoá thành gió mát, thổi các hoa trời

華上皆有化佛菩薩。迎接此人。如一念頃。

hoa thượng giai hữu hóa Phật Bồ Tát. nghênh tiếp thử nhân. như nhất niệm khoảnh.

trên cánh hoa đều có hóa Phật và các hóa Bồ-tát nghinh tiếp người ấy. Như trong khoảnh khắc một niệm,

即得往生七寶池中蓮花之內。

tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung liên hoa chi nội.

liền được vãng sanh trong hoa sen ao bảy báu.

經於六劫蓮花乃敷當華敷時。觀世音大勢至。

Kinh ư lục kiếp liên hoa nãi phu đương hoa phu thời. Quán Thế Âm Đại thế chí.

Qua sáu kiếp, hoa sen mới nở ra. Lúc hoa sen đang nở, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí

以梵音聲安慰彼人。為說大乘甚深經典。

dĩ Phạm Âm thanh an uỷ bi nhân. vi thuyết Đại thừa thậm thâm Kinh điển.

dùng tiếng Phạm âm an uỷ người kia, vì đó mà nói kinh điển Đại thừa thậm thâm,

聞此法已。應時即發無上道心。是名下品中生者。

văn thử Pháp dĩ. ứng thời tức phát vô thượng Đạo tâm. thị danh hạ phẩm trung sanh giả.

nghe pháp ấy xong, liền phát tâm Vô thượng đạo. Đó gọi là Hạ phẩm trung sanh.

佛告阿難及韋提希。下品下生者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hy. hạ phẩm hạ sanh giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy: Hạng Hạ phẩm hạ sanh:

或有眾生作不善業五逆十惡。具諸不善。

hoặc hữu chúng sanh tác bất thiện nghiệp ngũ nghịch thập ác. cụ chu bất thiện.

Hoặc có chúng sanh làm bất thiện nghiệp, năm tội nghịch, mười ác, đủ các việc chẳng lành.

如此愚人以惡業故。

như thử ngu nhân dĩ ác nghiệp cố.

Người ngu như vậy, do vì ác nghiệp

應墮惡道經歷多劫受苦無窮。如此愚人臨命終時。

ứng đọa ác đạo Kinh lịch đa kiếp thọ khổ vô cùng. như thử ngu nhân lâm mạng chung thời.

nên đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy đến lúc mạng chung

遇善知識種種安慰為說妙法教令念佛。

ngộ thiện tri thức chủng chủng an uỷ vi thuyết diệu Pháp giáo lệnh niệm Phật.

gặp thiện tri thức, đủ thứ an uỷ, vì đó thuyết diệu pháp, khuyên dạy niệm Phật.

彼人苦逼不遑念佛。善友告言。汝若不能念彼佛者。

bỉ nhân khổ bức bất hoàng niệm Phật. thiện hữu cáo ngôn. nữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả.

Người kia nếu bị khổ bức bách không kịp niệm Phật, Thiện hữu bảo rằng, nếu ông không thể niệm đức Phật kia

應稱歸命無量壽佛。如是至心令聲不絕。

ứng xưng quy mạng Vô lượng thọ Phật. như thị chí tâm lệnh thanh bất tuyệt.
thì phải xưng niệm quy mạng Phật Vô Lượng Thọ. Chí tâm như vậy làm sao cho tiếng không dứt,

具足十念稱南無阿彌陀佛。稱佛名故。

cụ túc thập niệm xưng Nam Mô A-di-đà Phật. xưng Phật danh cố.
đủ mười niệm rồi xưng Nam mô A-di-đà Phật. Do vì xưng danh hiệu Phật nên
於念念中。除八十億劫生死之罪。

ư niệm niệm trung. trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội.
trong mỗi niệm như vậy, trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp,
命終之時見金蓮花猶如日輪住其人前。

mạng chung chi thời kiến kim liên hoa do như nhật luân trụ kỳ nhân tiền.
lúc mạng chung sẽ thấy hoa sen vàng giống như vầng mặt trời đứng trước người đó.
如一念頃即得往生極樂世界。

như nhất niệm khoảnh tức đắc vãng sanh Cực-Lạc thế giới.
Như trong khoảnh khắc một niệm, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc,
於蓮花中滿十二大劫。蓮花方開當花數時。

ư liên hoa trung mãn thập nhị Đại kiếp. liên hoa phương khai đương hoa phu thời.
ở trong hoa sen đủ mười hai Đại kiếp, hoa sen mới nở ra. Lúc hoa sen đang nở,
觀世音大勢至以大悲音聲。

Quán Thế Âm Đại thế chí dĩ Đại bi âm thanh.
Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi

即為其人廣說實相除滅罪法。聞已歡喜。應時即發菩提之心。

tức vì kỳ nhân quảng thuyết thật tướng trừ diệt tội Pháp. văn dĩ hoan hi. ứng thời
tức phát bồ đề chí tâm.
liền vì người đó rộng nói pháp thật tướng khiến họ trừ diệt tội lỗi, nghe xong hoan
hỷ, liền phát tâm Bồ-đề.

是名下品下生者。是名下輩生想。名第十六觀。

thị danh hạ phẩm hạ sanh giả. thị danh hạ bối sanh tướng. danh đệ thập lục quán.
Đó gọi là hạng Hạ phẩm hạ sanh, gọi là Hạ bối sanh tướng, gọi là phép quán thứ mười
sáu.

爾時世尊說是語時。韋提希與五百侍女。

nhĩ thời Thế tôn thuyết thị ngữ thời. Vi-đề-hy dĩ ngũ bách thị nữ.
Lúc Thế Tôn nói lời như vậy, Vi-đề-hy cùng năm trăm thị nữ

聞佛所說。應時即見極樂世界廣長之相。

văn Phật sở thuyết. ứng thời tức kiến Cực-Lạc thế giới quảng trường chi tướng.
nghe chỗ Phật nói, liền thấy tướng rộng dài của thế giới Cực Lạc,
得見佛身及二菩薩。心生歡喜歡未曾有。

đắc kiến Phật thân cập nhị Bồ Tát. tâm sanh hoan hi thán vị tăng hữu.
được thấy thân Phật cùng hai vị Bồ-tát, tâm sanh hoan hỷ khen chưa từng có,
豁然大悟得無生忍。

khoát nhiên Đại ngộ đắc vô sanh nhẫn.
hoát nhiên đại ngộ đắc Vô sanh nhẫn.

五百侍女發阿耨多羅三藐三菩提心。願生彼國。

ngũ bách thị nữ phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề tâm. nguyện sanh bi quốc.
Năm trăm thị nữ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miếu tam Bồ-đề, nguyện sanh về nước kia.

世尊悉記皆當往生。生彼國已。獲得諸佛現前三昧。

Thế tôn tất kí giai đương vãng sanh. sanh bi quốc dĩ. hoạch đắc chư Phật hiện tiền
tam muội.

Thế Tôn thọ ký cho hết thấy đều sẽ vãng sanh; sanh về cõi nước kia xong, liền được Tam-muội của chư Phật hiện tiền.

無量諸天發無上道心。

vô lượng chư Thiên phát vô thượng Đạo tâm.

Vô lượng chư Thiên phát tâm Vô thượng đạo.

爾時阿難。即從座起前白佛言。世尊。

nhĩ thời A-nan. tức từng tọa khởi tiền bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Lúc đó, A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy trước Phật bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

當何名此經。此法之要當云何受持。

đương hà danh thử Kinh. thử Pháp chi yếu đương vân hà thọ trì.

Nên gọi Kinh này là gì? Pháp yếu này phải làm thế nào để thọ trì?

佛告阿難。

Phật cáo A-nan.

Phật bảo A-nan:

此經名觀極樂國土無量壽佛觀世音菩薩大勢至菩薩。亦名淨除業障生諸佛前。

thử Kinh danh quán Cực-Lạc quốc độ Vô lượng thọ Phật Quán Thế Âm Bồ-tátĐại thế chí Bồ

Tát. diệc danh tịnh trừ nghiệp chướng sanh chư Phật tiền.

Kinh này tên là Quán Phật Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát nơi cõi nước Cực Lạc. Cũng có tên Tịnh Trừ Nghiệp Chướng, sanh trước chư Phật.

汝等受持無令忘失。行此三昧者。

nhữ đẳng thọ trì vô lệnh vong thất. hành thử tam muội giả.

Các ông phải thọ trì đừng để quên mất. Người hành trì Tam muội ấy,

現身得見無量壽佛及二大士。若善男子及善女人。

hiện thân đắc kiến Vô lượng thọ Phật cập nhị Đại sĩ. nhược thiện nam tử cập Thiện Nữ Nhân.

thân hiện tại được thấy Phật Vô Lượng Thọ cùng hai vị Đại sĩ. Nếu thiện nam tử cùng thiện nữ nhơn nào

但聞佛名二菩薩名。除無量劫生死之罪。

đãn văn Phật danh nhị Bồ-tát danh. trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội.

chỉ nghe danh hiệu Phật, danh hiệu hai vị Bồ-tát, trừ được tội sanh tử trong vô lượng kiếp,

何況憶念。若念佛者。

hà huống ức niệm. nhược niệm Phật giả.

huống gì nhớ niệm. Nếu người niệm Phật,

當知此人即是人中芬陀利花。觀世音菩薩大勢至菩薩。為其勝友。

đương tri thử nhân tức thị nhân trung phân đà lợi hoa. Quán Thế Âm Bồ-tátĐại thế chí Bồ Tát. vi kỳ thắng hữu.

nên biết người này chính là hoa Phân-đà-lợi ở trong loài người. Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế làm người bạn tốt của người đó,

當坐道場生諸佛家。

đương tọa đạo trường sanh chư Phật gia.

sẽ ngồi đạo tràng sanh vào nhà chư Phật.

佛告阿難。汝好持是語。

Phật cáo A-nan. nhữ hảo trì thị ngữ.

Phật bảo A-nan: Ông khéo thọ trì những lời như vậy,

持是語者即是持無量壽佛名。佛說此語時。尊者目連。

trì thị ngữ giả tức thị trì Vô lượng thọ Phật danh. Phật thuyết thử ngữ thời. Tôn-Giả mục liên.

thọ trì những lời này chính là thọ trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Lúc Phật nói lời này, Tôn giả Mục Liên,

尊者阿難。及韋提希等。聞佛所說。皆大歡喜。

Tôn-Già A-nan. cặp Vi-đề-hy đấng. vãn Phật sở thuyết. giai Đại hoan hỷ.
Tôn già A-nan và Vi-đề-hy v.v... nghe chỗ Phật nói đều rất hoan hỷ.

爾時世尊。足步虛空還耆闍崛山。

nhĩ thời Thế tôn. túc bộ hư không hoàn Kỳ-xà-quật sơn.
Lúc đó Thế Tôn bước lên hư không đi trở lại núi Kỳ-xà-quật.

爾時阿難。廣為大眾說如上事。

nhĩ thời A-nan. quảng vị Đại chúng thuyết như thượng sự.
Lúc bấy giờ ngài A-nan vì đại chúng rộng nói các việc như trên,

無量人天龍神夜叉。聞佛所說皆大歡喜禮佛而退。

vô lượng nhân Thiên Long Thần dạ xoa. vãn Phật sở thuyết giai Đại hoan hỷ lễ Phật nhi
thối.

vô lượng người, trời, rồng, Thần, Dạ-xoa nghe chỗ Phật nói đều rất hoan hỷ lễ Phật mà
lui ra.

佛說觀無量壽佛經

Phật thuyết quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh

KINH PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch Sun

Apr 30 22:03:17 2006
